

linh. Hơn nữa, theo chỗ chúng tôi hiểu, công đoạn làm bánh dây cũng không đến mức quá cầu kỳ như có người hiểu, mà trở thành đơn giản hơn so với một số bánh trái khác, nhờ có sự hỗ trợ của máy móc. Rất có thể người dân làng Quyển đã lãng quên ý nghĩa triết lý Âm Dương nhị nguyên mà tổ tiên người Việt đã gửi vào bánh chưng, bánh dày khi đem chúng tế lễ thần linh thời xa xưa chăng?⁽⁴⁹⁾

2. Luyện tập tế lễ, rước kiệu, hát múa Dậm

Khi tiến hành lễ hội, dù là ở làng Quyển Sơn hay là ở bất cứ làng xã nào khác thuộc khu vực đồng bằng Bắc bộ, việc tế lễ, rước kiệu bao giờ cũng được cộng đồng coi là việc quan trọng. Hoạt động diễn xướng tế lễ và rước kiệu bao giờ cũng đặt ra yêu cầu phải nghiêm cẩn, trình trọng, thành thực. Chính vì vậy mà người ta phải luyện tập một thời gian trước khi làng chính thức vào hội.

Như đã có dịp lưu ý, hội Dậm làng Quyển diễn ra từ ngày mồng một đến ngày mồng mười tháng hai âm lịch hàng năm. Cho nên ngay từ đầu tháng giêng, một số tổ hội, nhóm hội như các quan viên trong ban tế lễ, phường bát âm, phường trống, họ Dậm, phường chèo, phường bơi chải, bắt đầu luyện tập.

2.1. Luyện tập tế lễ

Đối với người dân Quyển Sơn, khi mở hội Dậm, công việc tế lễ Thành hoàng và các thần linh luôn được nhìn nhận là công việc hệ trọng. Công việc đó từ ngàn

⁽⁴⁹⁾ Xin xem *Sự tích bánh chưng bánh dày* trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đông Chi. Nxb Khoa học xã hội, năm 1972, 1973, 1975.

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

năm nay, vẫn do các quan viên kỳ mục như tiên chỉ, thứ chỉ, chánh hội, lý trưởng, phó lý và các thành viên hội tư văn đảm nhiệm. Thông thường, ban tế lễ của làng có trên hai chục người, đều là nam giới, tuổi từ bốn mươi trở lên, gồm chủ tế, bồi tế, đông xướng, tây xướng, nội tán và các chấp sự. Chủ tế thường do tiên chỉ đảm trách. Trong trường hợp tiên chỉ ốm đau, vắng mặt, thì thứ chỉ thay thế. Đây là người có vai trò chủ chốt trong cuộc tế lễ, cho nên ngoài động tác đi đứng khoan thai, đĩnh đạc, còn phải thêm điều kiện vợ chồng song toàn, con trai con gái đầy đủ. Sau chủ tế có một đến hai bô lão làm bồi tế. Theo quy ước, vị bồi tế đứng sau chủ tế và cứ trông chủ tế mà làm theo. Kê cận với chủ tế và bồi tế, có hai người làm đông xướng và tây xướng, đứng hai bên hương án để xướng lễ nghi. Dân làng Quyển thường gọi hai vị này theo cách hiểu địa phương là "thông xướng" và "họa hưng". Hiện chúng tôi chưa hiểu rõ tên gọi đó có ý nghĩa gì? Ngoài đông xướng và tây xướng, bên tả và bên hữu chủ tế còn có hai vị quan viên làm trợ tán, có nhiệm vụ dẫn chủ tế đi vào đi ra cho nhịp nhàng, đúng quy cách, tăng vẻ long trọng. Phía sau chủ tế và bồi tế, có 16 đến 20 chấp sự, đứng cách đều ở hai bên, theo hàng thẳng, ngoài sân đình, mặt hướng vào chủ tế và hương án thờ Thành hoàng. Họ có nhiệm vụ dâng rượu, dâng hương, chuyển văn tế.

Dưới sự chỉ dẫn của tiên chỉ, các quan viên trong ban tế lễ chăm chú tập từng bước đi, từng dáng đứng, từng động tác, cử chỉ dù nhỏ nhất, trên tinh thần cẩn trọng, nghiêm túc. Mỗi buổi tập (có thể vào thời gian

sáng hoặc chiều) ở đình, các thành viên ban tế lễ chỉ nghỉ giải lao ít phút, sau đó lại tiếp tục. Việc luyện tập kéo dài hai hoặc ba tuần lễ, khoảng mồng mười tháng giêng đến hết tháng giêng. Cách năm ngày trước khi hết tháng, các quan viên luyện tập tế lễ đan xen với múa hát Dặm, bởi hai ngày đại tế là ngày mồng một tháng hai âm và mồng sáu tháng hai âm, lệ làng đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa tế lễ và múa hát thờ thần ở mức hoàn hảo nhất có thể, sao cho khi làng vào hội đỡ mắc phải những lỗi không đáng có.

2.2. Luyện tập múa hát Dặm

Để hội làng diễn ra hanh thông, tương tự như các quan viên trong ban tế lễ, họ Dặm tổ chức luyện tập, thời gian khoảng ba tuần, từ mồng sáu tháng giêng đến hết tháng đó, chủ yếu là vào buổi chiều. Năm ngày cuối tháng giêng, họ Dặm tập múa hát đan xen với tế lễ, dưới sự chỉ đạo chung của tiên chỉ tại đình làng.

Tham dự luyện tập, ngoài Bà Trùm - một phụ nữ đứng tuổi, hát hay, thuộc nhiều làn điệu, từng trải, lịch lãm, kinh tế gia đình khá giả, đội ngũ họ Dặm còn có từ 14 đến 18 hoặc 20 cô gái son trẻ, thanh tân, mới được múa hát nơi cửa đình, cửa đền, cho nên hầu như năm nào Bà Trùm Hát Dặm cũng phải "tuyển chọn" thêm những cô gái mới lớn thay thế cho những cô gái đã lấy chồng. Việc luyện tập diễn ra rất nghiêm túc, ở Đền Trúc, do ở đình đã có các quan viên tập tế lễ. Vào những buổi luyện tập ấy, Bà Trùm phải chỉ bảo từng lời ca, điệu múa, uốn nắn từng động tác cho các gái Dặm.

2.3. Luyện tập bơi chải, rước kiệu và một số trò chơi khác

Là một hội làng có quy mô tương đối lớn, Hát Dặm không chỉ có tế lễ, múa hát Dặm mà còn có rước kiệu, bơi chải, đấu vật, múa lân, tổ tôm điếm, leo dây múa rối... Cho nên muốn lễ hội thành công, các phường, hội, họ phải tập luyện.

Tại hội Dặm, bơi chải được xem là trò chơi, trò thi đấu - thể thao vào loại động vui, náo nhiệt chỉ đứng sau rước kiệu. Thiếu trò bơi chải, hội Dặm sẽ tẻ nhạt đi rất nhiều, tạm hiểu là chưa thành công. Chính vì thế, ngay từ ngày mồng mười hoặc mười hai tháng giêng, bốn thuyền đua của bốn giáp, dưới sự chỉ dẫn của bốn quan viên thạo về sông nước, đã luyện tập ở khúc sông Đáy trước cửa Đền Trúc. Tham dự luyện tập trên mỗi thuyền đua là các đình tráng, ai nấy đều khoẻ mạnh, tháo vát, nhanh nhẹn. Họ luyện tập rất hăng say. Từ tư thế ngồi, vị trí ngồi, động tác sải tay chèo, động tác bẻ lái, lách, trườn, tất cả đều được thế hệ trước chỉ bảo, uốn nắn tận tình, tỉ mỉ, chu đáo. Công việc luyện tập bơi chải nhằm hai mục đích. Thứ nhất là để thăm dò luồng lạch, chỗ nông, chỗ sâu, chỗ nước chảy xiết, chỗ nước chảy lững lờ, phát hiện các chướng ngại vật để tháo gỡ như bè ọt, bè rau muống, rong tóc tiên, rong đuôi chó. Thứ hai là để cho quen tay, đều nhịp, đẩy thuyền đua nhanh hơn.

Công cụ để tập bơi chải, để đấu chải là những con thuyền và những chiếc dầm, gọi là tay chèo. Tất cả đều được làm bằng gỗ tốt, có khả năng chịu nước. Do mỗi năm làng tổ chức hội Dặm một lần vào thời gian và địa

điểm đã định sẵn, cho nên ngay từ tháng mười âm lịch, các giáp đã chủ động đóng thuyền mới hoặc sửa chữa thuyền cũ. Mỗi giáp một thuyền, cộng với một thuyền "giám khảo", là năm thuyền. Cả năm con thuyền đều được ghép bằng ba tấm gỗ dài, nên có tên là "thuyền tam bản", "thuyền ba lá". Phía mũi các con thuyền đều trang trí hoa văn hình đầu rồng - một biểu tượng rất gần gũi, quen thuộc của các cư dân lúa nước và sông nước, tựa như mũi thuyền trang trí hình rồng rắn của nông dân Khơ Me mà ta vẫn gọi là "ghe Ngo" ở đồng bằng sông Cửu Long, như các thuyền đua ở hội chùa Keo, tỉnh Thái Bình; ở lễ hội làng Đám, huyện Từ Liêm, Hà Nội; ở lễ hội làng Hạ Bì, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương và như ở nhiều làng quê thuộc đồng bằng sông Hồng. Và nếu mở rộng tầm nhìn hơn, người ta sẽ thấy thuyền đua trang trí hình rồng rắn là mô típ chung, phổ biến ở nhiều dân tộc khu vực Đông Nam Á gồm Thái Lan, Lào, Căm Pu Chia, Myanma, Pilíp pin, Malaixia ... Điều này rất dễ hiểu, vì các cư dân Đông Nam Á đều là cư dân nông nghiệp lúa nước hoặc làm nghề sông nước. Mà rồng, rắn chính là biểu tượng về nước và sông nước - yếu tố hàng đầu trong quy trình sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp.

Cũng như tế lễ và múa Hát Dặm, việc luyện tập bơi chải đến cuối tháng giêng âm lịch là tạm ổn. Sức người đã dẻo, tay dầm đã đều. Các trai bơi đã sẵn sàng cho một cuộc thi đấu hào hứng, quyết liệt.

Gần như cùng thời điểm trên, một số phường hội như phường chèo, phường đồng vân (phường trống),

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

phường bát âm, hội cờ, phường hát tuồng... cũng bắt đầu tổ chức diễn tập. Phường chèo thường tập các vở *Lưu Bình - Dương Lễ*, *Trương Viên*, *Suý Vân giả dại*, *Quan Âm Thị Kính* ... phường đồng văn tập đánh trống rước, trống đồ hồi, trống tế..., phường bát âm luyện các làn điệu lưu thủy, hành văn phục vụ cho rước xách và tế lễ.

Từ ngày 27 tháng giêng, hội tư văn và các kỳ dịch, bắt đầu tổ chức luyện tập rước kiệu. Đây là công việc to lớn và phức tạp hơn cả. Nó chỉ được tiến hành sau khi công việc luyện tập tế lễ, múa hát Dạm, bơi chải, đánh trống, hát tuồng chèo đã tương đối thuần thục, có ý nghĩa như một cuộc tổng diễn tập. Mục đích của việc luyện tập rước kiệu là cho nghi vệ hoàn chỉnh, lớp lang tuần tự, đảm bảo tính chất trang trọng, thiêng liêng, đông vui, tránh những lầm lỗi và lộn xộn có thể gây chê cười ở khách thập phương khi họ đến dự hội .

Thông thường một lễ hội bao giờ cũng dung chứa nhiều công đoạn, nhiều đầu việc mà trong đó, công đoạn rước kiệu được coi như công đoạn phức tạp nhất. Ý thức được điều đó, hội tư văn và các kỳ dịch, kỳ lão làng Quyển đã cất cử một quan viên thông hiểu phong tục điều hành - tam hiểu là người "đạo diễn" chương trình. Để công việc thành công, trong những buổi tập ấy, người ta dùng đầy đủ các đồ nghi tượng, như khi rước kiệu thực. Dưới sự chỉ huy của vị quan viên, thường là tiên chỉ hay thứ chỉ, cuộc rước kiệu diễn ra theo trình tự: đi đầu là đội múa kỳ lân; tiếp theo là phường đồng văn với các loại trống; tiếp theo đến đội vác chấp kích, bát bửu và kiệu hình bầu dục, có thêu dòng chữ "Thượng đẳng tối linh thân"; tiếp đến là phường

bát âm; sau đến kiệu long đình; cuối cùng là các quan viên, bô lão và dân làng. Đám rước làng Quyển có tới bốn kiệu long đình, một kiệu rước thần vị Lý Thường Kiệt từ Đền trúc; một kiệu rước chân nhang chư Phật từ chùa Giỏ; một kiệu rước chân nhang song thân Lý Thường Kiệt, một kiệu rước chân nhang Phật từ chùa Trung, hoà nhập thành dòng, hướng về đình Trung (đình Cháy) ở giữa làng. Về đến đình thì hội tế cầu phúc, cầu an, cầu thịnh .

Việc luyện tập kéo dài khoảng ba ngày thì tạm ổn. Dân làng Quyển yên tâm bắt tay vào mở hội .

3. Sắm sửa - sửa sang

Hội Dặm mở sau tết Nguyên Đán chỉ một tháng. Do vậy, ngay từ cuối tháng Chạp, dân làng Quyển đã lo sửa sang lại, sắm sửa thêm một số thứ cần thiết .

Với các đình, chùa, đền, miếu - đặc biệt là đình và đền, các quan viên, kỳ mục, kỳ dịch cho người xem xét, tìm hiểu. Tường bị rêu mốc thì quét vôi lại. Mái ngói bị dột thì dặm hoặc đảo lại cho kín. Cờ quạt nếu chiếc nào bị rách thì may mới. Đồ thờ được lau chùi cẩn thận. Kiệu long đình nếu cũ thì cho sơn lại .

Trong các phường hội, người ta cũng cho may sắm thêm đạo cụ, quần áo, mũ mào. Còn các gia đình tư nhân thì may trang phục, đồ trang sức. Tâm lý chung của mọi người là muốn tham dự lễ hội với tư thế đàng hoàng nhất. Náo nức, rộn rã nhất là trẻ con. Người ta cố gắng, dù thiếu thốn, cũng sắm cho con trẻ bộ quần áo mới để chúng đi xem hội .

Không khí làng Quyển thời gian trước và sau tết Nguyên Đán, nhìn chung là náo nhiệt, sôi động. Hẳn

ràng, không khí này cũng là không khí chung của nhiều làng xã đồng bằng sông Hồng khi chuẩn bị mở hội lễ dịp xuân, thu nhị kỳ?

III. Thành phần tham dự - cách thức tổ chức

Đối với người dân Quyển Sơn, hội Dạm bao giờ cũng được nhìn nhận như một cái gì thiêng liêng nhất. Bởi vậy, khi hội làng mở, tất cả cộng đồng làng xã, từ già đến trẻ, từ quan viên, kỳ dịch đến người nông dân, nam cũng như nữ, đều nhiệt tình tham dự. Nếu vì một lý do nào đó, một thành viên làng xã không tham gia được (ốm đau, đi làm ăn xa), thì suốt năm ấy họ sẽ thấy day dứt, không yên. Không có gì quá mức, nếu người ta hiểu lễ hội Hát Dạm là lễ hội của cả cộng đồng nông dân trồng lúa nước. Hiển nhiên, đây là thành phần tham dự lễ hội nhìn ở góc độ tổng quan. Còn nhìn từ góc độ khác, thành phần tham dự lễ hội có khác nhau chút ít.

Tham dự nghi thức tế lễ thành hoàng ở đình Trung, ở Đền Trúc có các quan viên, như tiên chỉ, thứ chỉ, chánh hội, lý trưởng, phó lý và các thành viên hội tư văn - những người từng theo đòi nghiệp nghiên bút nơi cửa Khổng sân Trình, tầng lớp trí thức làng xã. Trong số họ, có người già, có người trẻ, có người đậu đạt từ học vị tú tài đến cống cử, cũng có người chỉ là bạch diện thư sinh, song do có học thức nên đều được dân làng trọng vọng, đặt ngang vai với các kỳ dịch, kỳ lão. Xem thế, đủ biết hương đảng thời xưa không những trọng xỉ mà còn rất trọng chữ nghĩa, trọng người có học.

Tham dự trực tiếp múa hát Dạm - cả khi tế lễ lẫn khi trình diễn độc lập, riêng lẻ, có Bà Trùm và gần hai chục

cô gái chùa chồng, số lượng linh hoạt, nhưng chỉ là số chẵn (chứ không bao giờ là số lẻ). Tất cả tụ họp thành "họ" gọi là "họ Dặm". Gần đây, khi tìm hiểu Hát Dặm, có người cho rằng, các nghệ nhân hát múa Dặm liên kết với nhau thành "phường" gọi là "phường Dặm". Cách hiểu ấy không đúng với thực tế. Dân ca làng Quyển từng có câu "Các bạn họ ta; Lấy qua làm Dặm; Là hỡi Dặm nào; Dặm ấy cho qua". Theo chúng tôi hiểu "qua" ở đây là "qua cách", là "lần điệu". Lời ca của câu ca dao đã chỉ cho những người nghiên cứu văn hóa dân gian biết rằng, các nghệ nhân Hát Dặm tập hợp theo "họ" chứ không theo "phường". Đây là tổ chức xã hội - nghề nghiệp mang tính chất tự nguyện của những người ngưỡng mộ Thành hoàng và yêu nghệ thuật. Họ tham dự múa hát Dặm là do nhu cầu tâm linh nội tại của bản thân, chứ không do mục đích kinh tế. Trước năm 1945, Bà Trùm được dân làng trả thù lao bằng cách cho cấy từ 1 đến 2 sào ruộng quan điền, không phải nộp tô thuế. Còn các "gái Dặm" thì không những không có thù lao, mà họ còn phải đóng tiền mua vàng hương, dầu rệu để thủ từ thắp đót ở đình hoặc đền khi tập múa hát gần suốt tháng giêng (đèn thờ). Đến cuối tháng giêng, các "gái dặm" còn đóng thêm mỗi người mấy hào (tiền quan bằng kim loại) để mua vàng hương, dầu rệu, hoa quả, trước thì lễ thân, sau thì đem về nhà Bà Trùm thụ lộc, liên hoan. Từ khi cải lương hương chính (1921), Bà Trùm được làng trả công thêm ba, bốn đồng tiền Đông Dương. Mãi đến những năm gần đây, khi có phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, hợp tác xã và chính quyền xã Thi Sơn mới thù lao cho Bà Trùm mỗi năm trên dưới một tạ thóc, còn các

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYẾN SƠN

"gái Dậm" thì mỗi người được trả công khoảng sáu chục đến bảy chục ký thóc. Vào năm làng xã bị thiên tai, mất mùa, thì ngay cả khoản thù lao ít ỏi đó có thể cũng không có. Cố nhiên đó chỉ là trường hợp hãn hữ. Về thành phần tham gia tế lễ, ngoài các quan viên, phường bát âm, phường đông văn và họ Dậm ra, theo lệ làng, đàn bà con trẻ không được phép có mặt ở sân đình và ở gian trung tâm của đình. Điều này chứng tỏ ảnh hưởng của Nho giáo đến hội Dậm là tương đối đậm nét, cũng chứng tỏ sự phân biệt nam nữ trong cộng đồng làng xã tương đối sâu sắc.

Bên cạnh những người tham dự tế lễ và múa hát Dậm, còn có số người tham gia các trò chơi. Số người này đông đảo, thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Bô lão và trung niên thì chơi tổ tôm điểm, đấu cờ người. Nam thanh niên trai tráng thì bơi chải, đấu vật, leo dây múa rối, chơi chọi gà. Nữ thanh niên thì hát chèo và cổ vũ cho các trò biểu diễn - thi đấu khác. Trẻ em thì có mặt ở hầu hết các chỗ, vừa để thoả chí tò mò, hiếu động, vừa để động viên người trong cuộc thêm phần chấn.

Quan sát hội Dậm, chúng tôi cảm nhận rõ đó là ngày hội của toàn dân trong làng xã. Khi làng vào đám, toàn thể cộng đồng đều tham gia trên tinh thần tự nguyện, dấn thân, không có sự cách biệt nào. Thời gian làng mở hội từ mồng một đến mồng mười tháng hai âm, là khoảng thời gian mà tất cả cộng đồng đều tìm thấy và chiêm nghiệm niềm vui, niềm thành kính thiêng liêng. Giáo sư Trần Quốc Vượng xem đây là hình thức "cộng cảm" của các cư dân nông nghiệp. Dù thực hiện các nghi thức tế lễ hay tham gia các trò chơi, trò thi đấu (bơi chải, leo dây múa rối, đấu vật, tổ tôm điểm, đấu cờ tướng...)

người dân làng Quyển đều có mục đích kép là giải trí và thoả mãn nhu cầu tâm linh ít nhiều có liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp cổ sơ của người Việt cổ. Trong một giới hạn nào đấy, chúng đều là cách mà người nông dân "nạp năng lượng thiêng" vào cuộc sống tinh thần của mình, hy vọng sẽ tác động khiến cuộc mưu sinh sau lễ hội trở nên tốt đẹp hơn. Chẳng hạn, khi tham dự bơi chải, đấu vật, đấu cờ tướng, leo dây múa rối ... người ta có quan tâm đến giải, đến phần thưởng vì "một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp". Song nếu không được giải thì cũng không sao, bởi thắng thua không phải là cái trọng yếu. Trái lại, cái trọng yếu đối với họ là đã cống hiến hết mình cho thân linh, cho cộng đồng, hy vọng năm tới sẽ khoẻ mạnh, may mắn, phúc lộc đê đa, người và của đều thịnh vượng .

Biểu đồ 2: Thành phần tham dự lễ hội Hát Dậm

Nghi thức diễn xướng, trò vui chơi	Thành phần tham dự
Tham gia lễ hội nói chung	Toàn thể cộng đồng làng xã
Tế lễ	Quan viên - hội tư văn, phường bát âm, phường đồng văn, họ Dậm
Hát múa Dậm khi không có tế lễ	Họ Dậm - nữ
Bơi chải, đấu vật, leo dây múa rối, múa lân	Thanh niên - nam
Cờ người	Quan viên - nam nữ thanh niên
Tổ tôm điểm	Lão - lão nhiều - kỳ lão
Diễn chèo	Phường chèo

IV. Lễ mộc dục

Cuối tháng giêng, các kỳ mục, kỳ dịch, kỳ lão chọn ngày tốt, cử người sắm sửa vàng hương, dầu rượu, xôi gà cáo yết Thành hoàng, xin làm lễ mộc dục, tức là tắm rửa

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT ĐẠM QUYỂN SƠN

cho thần tượng, thần vị. Trước khi làm lễ mộc dục, tiên chỉ xin âm dương xem thần cho phép ai trong số các quan viên được làm công việc quan trọng đó. Khi đã xác định được người mà thần chọn rồi, thì dùng mấy chiếc lông gà sống (chưa đập mái), nhúng vào nước ngũ vị, vẩy lên thần vị, thần tượng và lau chùi cho sạch. Xong việc, các quan viên lại dùng vàng hương, dầu rượu lễ tạ và xin mở hội. Một số nhà nghiên cứu văn hóa dân gian gọi lễ này là "lễ gia quan". Theo lời người già làng Quyển, lễ mộc dục là thủ tục bắt buộc phải có ở làng quê họ, trước khi làng mở đám. Có điều, lễ mộc dục tại đây chỉ được tiến hành tượng trưng chứ không có thao tác tắm rửa thực sự cho thần (hoặc cho Phật) như ở lễ hội chùa Dầu, chùa Đậu, chùa Giàn, chùa Tướng thuộc huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh; như ở lễ hội làng Đồng Nhân; hay ở lễ hội làng Tự Nhiên, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông cũ...⁽⁵⁰⁾ Cho đến tận năm 1945, dân làng Quyển vẫn còn giữ lệ cũ. Từ góc độ cá nhân một người chuyên nghiên cứu và sưu tầm văn nghệ dân gian, chúng tôi thấy tục làm lễ mộc dục của dân làng Quyển đơn giản, nhẹ nhàng hơn so với việc làm lễ mộc dục các vùng quê khác, mà vẫn đảm bảo được tính trang trọng cần thiết.⁽⁵¹⁾

V. Cử người viết văn tế.

Trong lễ hội, dù ở làng Quyển hay ở bất cứ làng xã nào khác thuộc khu vực đồng bằng Bắc bộ, tế lễ bao giờ

⁽⁵⁰⁾ Theo *Nếp cũ hội hè đình đám* quyển Hạ - Toàn ảnh, Nam Chi Tùng Thư xuất bản, Sài Gòn, 1969 và 1974

⁽⁵¹⁾ Ví dụ: Lễ mộc dục ở hội Gióng, làng Phù Đổng, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội; lễ mộc dục ở hội đền Linh Sơn Thánh Mẫu núi Bà đen, tỉnh Tây Ninh; lễ mộc dục lễ hội Bà Chúa Xứ làng Vĩnh Tế, tỉnh An Giang (trước đây Vĩnh Tế thuộc tỉnh Châu Đốc cũ) ... cách tổ chức lễ mộc dục ở những lễ hội này rất cầu kỳ.

cũng được coi là một nghi thức cơ bản và quan trọng. Không có tế lễ thì không thành lễ hội. Song muốn tế lễ thì ngoài lễ vật ra, không thể thiếu văn tế (cũng gọi là văn chúc) được viết bằng chữ Hán, theo lối văn biên ngẫu.

Tại làng Quyển, trước khi mở hội Dặm khoảng một tuần, các quan viên đã họp bàn, cử một người trong hội tư văn viết văn tế. Người được cử phải là người giỏi chữ Hán nhất làng, chữ đẹp, nếu đã trải qua con đường khoa cử, đỗ đạt quan trường, vợ chồng song toàn, con cái đều huê thì càng tốt. Công việc soạn thảo văn tế được gọi là "tả văn", người soạn văn tế được gọi là "điển văn", rất có uy tín trong làng, được dân chúng tôn trọng không kém gì chủ tế .

Hội Dặm làng Quyển tuy kéo dài mười ngày, nhưng chỉ tổ chúc tế kỳ phúc và tế kỳ yên vào hai ngày, là ngày mồng một và ngày mồng sáu tháng hai âm lịch. Đó là hai ngày đại tế. Từ sáng sớm ngày mồng một, người ta đã khiêng một kiệu nhỏ đến nhà ông điển văn để rước văn tế, đưa về đình Trung. Việc đón rước văn tế được tiến hành rất trọng thể, chúng tỏ lòng ngưỡng mộ rất chân thành của dân chúng với Thành hoàng, thần linh, cũng chứng tỏ thái độ tôn vinh đặc biệt của cộng đồng với người có học, với chữ Nho và đạo học Nho .

VI. Trình tự và diễn biến chính của lễ hội Hát Dặm hay hội Dặm

Lễ hội Hát Dặm hay hội Dặm Quyển Sơn, cũng như hầu hết các lễ hội truyền thống khác ở đồng bằng sông

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYẾN SƠN

Hồng, về căn bản, được tổ chức theo ba phương diện chính, đó là:

1. Tế lễ (tế kỳ yên, tế kỳ phúc; đại tế kỳ yên, kỳ phúc)
2. Diễn xướng các trò chơi (vừa giải trí vừa nghi lễ)
3. Tiệc tùng, ẩm thực thụ lộc

Do mục tiêu, tính chất công trình quy định, trong khi khảo sát lễ hội Hát Dặm chúng tôi chỉ quan tâm miêu thuật, bình luận, đánh giá phương diện tế lễ và phương diện diễn xướng các trò vui, trò thi đấu thể thao. Còn phương diện tiệc tùng, ẩm thực thì chỉ nêu sơ lược, không đi sâu vào các tiểu tiết. Cụ thể, về phương diện tế lễ, chúng tôi khảo tả những nghi thức sau:

- Rước kiệu
- Tế lễ (ở dạng đại tế) kết hợp với múa hát Dặm (sáng mông một, mông sáu)
- Lễ túc trực
- Lễ tất

Về phương diện diễn xướng các trò chơi, trò thi đấu - biểu diễn, chúng tôi sẽ khảo tả những trò chơi và thi đấu sau:

- Múa hát Dặm thờ thành hoàng khi không có tế lễ đi cùng
- Bơi chải
- Đấu vật
- Tổ tôm điểm
- Chơi gà
- Đấu cờ người
- Múa lân

- Leo dây múa rối ...

Các nghi thức tế lễ và các trò chơi, trò thi đấu - biểu diễn mà chúng tôi khảo tả đều ở dạng tương đối cổ xưa, do chúng tôi khai thác tư liệu từ những bậc cao niên làng Quyển, có đối chiếu với hiện trạng ngày nay .

1. Rước kiệu

Theo tác giả Toan Ánh, trong *Nếp cũ hội hè đình đám*⁽⁵²⁾ thì "rước" là rước thần di chuyển từ đền tới đình, từ đình đến chùa và ngược lại, với một nghi vệ trọng thể. Đám rước thần trong lễ hội làng Quyển cần được hiểu là hoàn toàn do những đình tráng nội tịch.⁽⁵³⁾, tuổi từ 18 đến 22, son trẻ thanh tân, đảm nhiệm, không có nữ giới. Những đình tráng được chọn rước kiệu ấy, gọi là phu kiệu. Tất cả các phu kiệu lại chịu sự chỉ huy chung của một người, gọi là cai kiệu. Đây đều là những người được cất cử từ trước, đã tham gia luyện tập từ cuối tháng giêng và đều phải trai giới thanh tịnh hàng tuần, trước khi làng vào đám. Cả làng Quyển có bốn kiệu long đình (kiệu bát cống), mỗi kiệu tám người khiêng, tổng cộng có tới ba mươi hai phu kiệu và cũng có chừng ấy phu kiệu dự bị để thay thế khi cần. Không gian diễn ra hội Dặm của làng Quyển trải dài từ đình Trung, đến chùa Trung, đến Đền Trúc và đến chùa Giỏ, khoảng 2 km, dọc theo đường quốc lộ 21 và theo dọc bờ hữu sông Đáy. Khoảng không gian ấy nói chung là rộng, đòi hỏi phải có lực lượng phu kiệu thay thế khi rước thần. Khi

⁽⁵²⁾ Sách đã dẫn, quyển Hạ.

⁽⁵³⁾ Nội tịch: dân chính cư, không phải dân ngụ cư

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYẾN SƠN

nghi thức rước thân bằng kiệu được cử hành, có rất đông nam phụ lão ấu tới xem và cổ vũ, tạo ra không khí nhộn nhịp, đông vui rất cần có của một đám hội .

Sáng ngày mồng một và ngày mồng sáu tháng hai âm, vào giờ tốt (giờ đại an hoặc giờ tốc kỷ) dưới sự chỉ dẫn của các quan viên, kỳ dịch, kỳ mục, các phu kiệu, phường đồng văn, phường bát âm, đội cờ ... xuất phát từ đình Trung, chia làm ba toán lớn, một toán đến Đền Trúc, một toán đến chùa Giỏ, một toán đến chùa Trung, xin cáo yết, đưa thân vị của thần, chân nhang của Phật lên long kiệu, rước về đình để hội tế. Sáng mồng bảy tháng hai, tất cả các đình tráng và phường hội lại rước thân vị và chân nhang thần, Phật về an vị chỗ cũ.

Trước lúc đám rước từ Đền Trúc khởi hành, chiêng trống nổi vang rền, pháo nổ ùng ùng. Dứt tiếng pháo, các phu kiệu bắt đầu rước long kiệu từ trong Đền Trúc ra đường quốc lộ 21 (thời xưa có lẽ con đường này mới chỉ là con đường cái lớn), rồi dừng lại chờ toán rước kiệu từ chùa Giỏ đi tới. Gặp nhau rồi, hai toán nhập làm một, cùng xuôi theo hướng đình làng. Khi đám rước đi đến đình Trần - nơi thờ lộ thiên trời - đất và Lý Thường Kiệt, thì dừng lại. Một vị quan viên bung lễ vật, vàng hương, dầu rệu vào trình báo, rồi mới cho đám rước đi tiếp, gọi là lễ trình.

Qua sát từ xa, từ trên cao xuống, chúng tôi thấy toàn cảnh đám rước thân trong hội Dạm rất ngoạn mục:

Khởi đầu là tốp đình tráng múa kỳ lân với bốn thanh niên, hai người đội đầu lân, một người cầm chùy đầu võ, một người đi sau nâng tám vải tượng trưng cho thân kỳ lân.

Họ chít khăn đầu rìu, mặc quần áo nâu hoặc gụ, thắt lưng vải nhiều xanh, chân quần xà cạp, trông gọn và khoẻ.

Tiếp sau tốp múa lân, đến nghi trượng. Giống như đám nước thần trong lễ hội làng Thanh Nộn, làng Phú Viên, làng Đanh Xá lân cận, nghi trượng ở đám rước làng Quyển có trước hết là hai lá cờ Tiết và Mao, tượng trưng cho uy linh của thần, Phật. Liên sau hai lá cờ Mao, Tiết là cờ ngũ hành với năm màu xanh, đỏ, trắng, vàng, đen tượng trưng cho năm chất cơ bản hợp thành vũ trụ. Sau cờ ngũ hành là cờ tứ linh, có thêu hình long, li, quy, phụng. Ở đây không có loại cờ bát quái gồm tám chữ ứng với tám quẻ là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Đoài như cách khảo tả của Toan Ánh trong *Nếp cũ hội hè đình đám* (Quyển Hạ), hay như cách khảo tả của tác giả Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục*. Những đình tráng được cử vác cờ, đầu đội nón dẫu, mặc quần áo lụa xanh hoặc đỏ, thắt lưng bó que, chân quần xà cạp, dáng vẻ khoẻ mạnh.

Tiếp sau nghi trượng là đến dàn trống và chiêng. Trống đây là trống đại, do hai nam thanh niên khiêng, có sơn son thiếp vàng. Đi liền với trống là một quan viên, gọi là thủ hiệu. Ông này vận quần áo lụa đỏ, đầu chít khăn hình chữ nhân, tay cầm cái dùi to, để đánh trống theo nhịp quy định giành riêng cho trống rước. Vì là người đánh trống hiệu cho thần linh, cho nên ông thủ hiệu được một thanh niên vác lọng che. Song song với trống là chiêng, cũng do hai thanh niên khiêng, một thanh niên cầm lọng che đầu. Đánh chiêng là một quan

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT ĐẠM QUYỂN SƠN

viên, vận quần áo lụa xanh, đầu chít khăn đầu rìu, tay cầm dùi để đánh theo nhịp đôi cùng với trống. Cứ một tiếng "tùng" thì lại một tiếng "beng", tạo âm thanh vang dội, tạo không khí náo nhiệt. Âm thanh cặp đôi "tùng", "beng" của trống và chiêng gợi liên tưởng đến sự kết hợp Âm Dương trong triết học cổ phương Đông.

Tiếp sau là đôi ngựa gỗ, kích cỡ to như ngựa thật, một con sơn màu đỏ, một con sơn màu trắng, được đặt trên bốn bánh xe, có người kéo. Những người này ăn vận giống cách ăn vận của những đình tráng khiêng trống, khiêng chiêng. Sau hai con ngựa là đến hai cái tán xanh, đỏ do hai người vác. trên mỗi cái tán đều có thêu hình tứ linh. Màu trắng và màu đỏ của ngựa gỗ cũng gợi liên tưởng đến sự kết hợp Âm - Dương trong triết học cổ đại phương đông - nguồn gốc ban đầu cho sự sống và sự phát triển.

Tiếp theo hai cái tán là đến chấp kích, bát bửu. Chấp kích gồm gươm, giáo, đao, thương. Bát bửu thì có dùi đồng, phủ việt, đàn sáo, lẵng hoa, thư kiếm, quạt, bầu rượu, túi thơ. Cả hai thứ đều tượng trưng cho quyền lực, uy linh của thần, tựa như tay văn, tay võ. Đi giữa hai hàng chấp kích, bát bửu là một quan viên mang chiếc biển đề " Thượng đẳng tối linh thần". Hơn chục đình tráng vác chấp kích, bát bửu ăn vận quần áo the hoặc lụa xanh đỏ, đầu đội nón dẫu, chân quấn xà cạp. Vị quan viên mang biển hiệu của thần thì mặc áo thụng xanh, quần ống sớ trắng, trên đầu có lọng che.

Sau đội chấp kích và bát bửu, đến phường đồng văn, tức phường trống, gồm có cai cầm trống khẩu đánh nhịp,

một quan viên cầm thanh la. Ngoài ra còn có khoảng tám đình tráng đeo trống bản, hai đình tráng đeo trống cơm. Đám rước làng Quyển không có sinh tiền. Chùng ấy người đều mặc áo lụa đỏ, quần lụa xanh hoặc đỏ. Cả bọn vừa đi vừa đánh trống, thanh la theo lối trống rước.

Kế tiếp đến là quan viên mặc quần áo thụng cầm cờ tướng lệnh và một quan viên cầm một thanh gươm. Cờ và gươm ấy đều tượng trưng cho uy quyền của thần. Vì thế nên bên cạnh mỗi quan viên đều có đình tráng cầm lọng che.

Tiếp theo đến phường bát âm, có tám người với tám loại nhạc cụ khác nhau. Người thổi sáo, người kéo nhị, người chơi đàn tam, người đánh tiu, người gõ cảnh, người thổi kèn, người đánh trống cơm, người đánh trống con... Suốt dọc đường, họ chỉ tấu hai bản nhạc cổ truyền là lưu thủy, hành vân, nghe rất trang trọng, nghiêm cẩn, không có gì gọi là đơn điệu (như tác giả Phan Kế Bính đã từng viết trong *Việt Nam phong tục*).

Kế sau đến kiệu long đình. Kiệu thứ nhất bày bài vị Lý Thường Kiệt, kèm theo có ngũ quả, hương hoa, dầu rượ. Kiệu thứ hai bày bài vị song thân của ngài cùng dầu rượ, hương hoa, ngũ quả. Kiệu thứ ba bày bài vị Phật Tam Thế và Phật Giỏ. Kiệu thứ tư bày bài vị hai mẹ con vị nữ thần là Hoàng Thái Hậu và Hoàng Công Chúa cùng dầu rượ, hương hoa, ngũ quả. Mỗi kiệu có tám đình tráng khiêng và tám đình tráng dự bị đi cùng. Trên mỗi kiệu đều có tán, lọng che, rất uy nghi. Khoảng cách giữa các kiệu cũng đều có nghi trượng, biểu hiệu vua ban. Riêng khoảng cách từ kiệu thứ hai đến kiệu thứ ba chỉ có nghi trượng, không có bát bửu, chấp kích, thay

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

vào đó là một biển có thêu hình bánh xe luân hồi, biểu tượng thời gian mười đời chín kiếp của con người, một biển thêu hình tròn với hai nửa âm dương, thiếu dương, thiếu âm - ngụ ý sinh hoá liên tục, trong sinh đã có hoá và trong hoá đã có sinh.

Đi sau long kiệu là các quan viên, kỳ mục, kỳ dịch, bô lão. Ai nấy đều vận áo thụng, quần ống sớ, chân đi guốc hoặc đi giầy vải Gia Định, đầu chít khăn nhiễu tam giang hình chữ nhân. Liên sau họ là các tín lão, phụ nữ, trẻ em, số lượng rất đông đảo. Đám rước với sắc màu rực rỡ, âm thanh ồn ào, râm ran, với đầy đủ nam, phụ, lão, ấu tham dự, đã gọi mở không khí sử thi hào hùng, nô nức, náo nhiệt. Quãng đường từ chùa Giỏ, Đền Trúc đến đình Trung chỉ hơn hai cây số, nhưng đám rước đi chậm, phải gần một canh giờ mới tới nơi. Người ta nói "vui như hội", quả không sai.

Đám rước thần trong lễ hội Hát Dậm làng Quyển, về cách thức tổ chức và kết cấu, như đã khảo tả, cơ bản giống với các đám rước trong lễ hội làng Thanh Nộn, làng Phú Viên, làng Đan Xá lân cận. Nó cũng cơ bản giống với các đám rước trong các lễ hội tại các làng xã đồng bằng Bắc bộ. Tuy nhiên, đại đồng tiểu dị, đám rước thần trong hội Dậm cũng có điểm khác với đám rước của một số lễ hội khác. Chẳng hạn, nó không diễn xướng các động tác liên quan đến tín ngưỡng phồn thực như ở hội làng Đồng Kỵ (tỉnh Bắc Ninh), hội làng Khúc Lạc, hội làng Dị Lậu (tỉnh Phú Thọ), hội chen làng Nga Hoàng, huyện Quế Võ (Võ Giàng, Bắc Ninh)... Nói chung là nó không có cỗ tục nặng nề. Trong đám rước

kiệu ở hội Đồng Ky, hội làng Khúc Lạc, hội làng Di Lâu, người ta diễn xướng động tác nam nữ giao hoan, hoặc hình các nữ nường, biểu tượng cho sinh thực khí nam nữ. Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian gọi đó là hình thức tín ngưỡng phồn thực.

2. Tế lễ

Khi đám rước kiệu về đến đình Trung, thì cũng là lúc nhóm đình tráng đi rước văn chúc từ nhà ông diễn văn về tới nơi. Cuộc tế lễ Thành hoàng, thần, phật, trời đất, quỷ thần bắt đầu được tiến hành với những nghi thức trang trọng nhất. Số lượng các quan viên tham dự tế lễ khoảng trên hai chục người với các thành phần, chức trách cụ thể, đã nêu ở mục III của chương ba, không tiện nhắc lại. Về y phục, theo quy ước của làng, chủ tế mặc áo dài bằng lụa đỏ, quần cũng bằng lụa đỏ, đội mũ đỏ, mặt trước mũ trang trí hổ phù, chân đi hia đen. Bồi tế ăn vận trang phục giống hệt chủ tế. Đông xướng, tây xướng mặc quần the đỏ, áo lụa xanh, chân đi hia đen, đội mũ xanh, mặt trước mũ không trang trí hổ phù. Hai vị trợ tán mặc quần áo lụa xanh, đầu đội mũ đỏ không trang trí hổ phù, chân đi hia đen. Các chấp sự mặc quần lụa ống số màu trắng, áo nhiều tím than, chân đi hia đen, đội mũ xanh không trang trí hổ phù như chủ tế⁽⁵⁴⁾. Tất cả đều uy nghiêm, long trọng. Họ lần lượt đứng vào vị trí đã được

⁽⁵⁴⁾ Lễ hội làng Quyển và nhiều làng quê thời xưa chỉ có các quan viên đảm nhiệm, không có tế nữ quan. Y phục mà chúng tôi khảo tả đây là theo lời kể của các vị cao niên làng Quyển. Còn từ năm 1990 đến nay, do đời sống khá giả hơn, người dân nơi này đã đua nhau may trang phục sang, đẹp, khác nhiều so với truyền thống. Ngay cả nghi thức tế lễ cũng thay đổi do người dân tiếp thu thêm ở các lễ hội khác.

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYẾN SƠN

phân công. Nghi thức tế lễ được cử hành trong thế khoảng một canh ruổi, ở dạng trung cổ, như sau:

*** LỄ NGHÊNH THẦN**

Đông xướng: - Củ soát lễ vật (kiểm tra lại xem các lễ vật đã bày biện đầy đủ, thịnh soạn chưa).

Chủ tế, hai trợ tán đi xem xét lại một lượt, nếu thấy đầy đủ rồi thì thôi, còn nếu thiếu lễ vật thì cho tìm lễ vật bổ sung. Xong việc, chủ tế và hai trợ tán trở lại vị trí của mình.

Đông xướng: - Khải sắc (mở hòm sắc, lấy thần phả và sắc phong của thần ra).

Chủ tế, có hai trợ tán giúp đỡ, mở hòm lấy thần phả và sắc phong của thần ra, tuyên đọc trang trọng.

Đông xướng:- Chấp sự giả các tư kỳ sự (các vị thủ hiệu, người đánh chiêng ra bái trước hương án, rồi trở về vị trí của mình).

Đông xướng: - Nhạc sinh tỵ vị ! (phường bát âm vào trước hương án bái thần hoàng). Rồi tất cả phường trở về chỗ cũ.

Tây xướng: Họ Dậm tỵ vị !

Bà Trùm cùng hơn chục gái Dậm thuộc họ Dậm vào bái lạy trước hương án thần.

Tây xướng: - Hưng bình thân !

Họ Dậm trở về vị trí quy định.

Đông xướng: - Khởi chinh cổ tam liên (đánh chiêng, đánh trống).

Chiêng, trống luân phiên nhau đóng lên ba hồi. Không khí trong đình nghiêm cẩn hẳn lên.

Đông xướng: - Nhạc sinh khởi nhạc (tấu nhạc).

Phường bát âm tấu bản nhạc lưu thủy.

Đông xướng: - Niệm hương, dâng tỳ vị ! (những người thắp hương, dâng ra mắt thần !).

Hai trợ tán bước lên trước hương án bái lạy, rồi trở lại chỗ cũ.

Đông xướng:- Chủ tế, bồi tế tỳ vị (chủ tế, bồi tế ra mắt thần hoàng).

Đông xướng:-Cúc cung bái! (xướng bốn lần, lạy bốn lần).

Tây xướng: - Hưng bình thân ! (đứng dậy).

Đông xướng, tây xướng rời vị trí. Một quan viên thay đông xướng hô:

- Đông xướng, tây xướng tỳ vị (đông xướng, tây xướng ra mắt thần).

Vị quan viên kia hô tiếp:

- Cúc cung bái ! (xướng bốn lần, lạy bốn lần).

Vị quan viên: - Hưng bình thân ! (đứng dậy).

Hai vị đông xướng, tây xướng trở về chỗ cũ, an vị.

Đông xướng: - Nghệ quán tẩy! (lại đài rửa mặt, rửa tay).

Chủ tế đi tới cái đài, nơi đặt thau nước ngũ vị, khăn mặt.

Đông xướng:- Quán tẩy ! (rửa mặt, rửa tay).

Chủ tế rửa mặt, rửa hai tay bằng những động tác tượng trưng.

Tây xướng: Phục vị ! (trở lại chỗ cũ).

Chủ tế đi cách điệu trở lại vị trí của mình.

* KHỞI TUẦN HƯƠNG ĐĂNG

Đông xướng:-Tiến đăng vị tiền (thắp đèn, nến).

Chủ tế thắp đèn, nến. Hai trợ tán thận trọng đỡ đèn, nến từ tay chủ tế, kính cẩn đặt lên ban thờ Thành hoàng.

Tây xướng:- Phủ phục ! (cúi lạy).

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

Chủ tế, hai trợ tán đều cúi lạy bốn lần, hai tay chắp vào nhau tạo thành hình búp sen.

Đông xướng:- Thượng hương vị tiên ! (thắp hương).

Chủ tế thắp hương. Hai trợ tán đỡ những nén hương từ tay chủ tế, kính cẩn cắm lên bát hương Thành hoàng.

Đông xướng:- Phủ phục (cúi xuống).

Chủ tế và hai trợ tán đều cúi thấp xuống.

Đông xướng:- Cúc cung bái ! (xướng bốn lần, lạy bốn lần).

Tây xướng: - Hưng bình thân ! (đứng dậy).

Chủ tế, các trợ tán đứng dậy.

Đông xướng: - Phục vị ! (về chỗ cũ).

Chủ tế, các trợ tán trở về đứng vị trí quy định, chờ hiệu lệnh.

*** SƠ HIẾN LỄ**

Đông xướng:- Hành sơ hiến lễ! (dâng rượu tuần đầu).

Đông xướng:- Sơ hiến lễ, nghệ thần vị tiên, sở ca cư mịch !

Nhạc bát âm tấu điệu lưu thủy. Trống, chiêng đóng theo nhịp tế. Chủ tế, bồi tế, các trợ tán, các chấp sự đều rót rượu vào ly, hai tay nâng đài ngang mặt về kính cẩn. Theo nhịp trống, các chấp sự đi cách đều hàng ngang, hàng dọc, bước từng bước cách điệu trịnh trọng, từ ngoài sân đình hướng vào gian trung tâm, nơi đặt hương án Thành hoàng.

Đông xướng:- Chủ tế quy ! Giai quy ! (chủ tế và tất cả đều quy).

Đông xướng:- Hiến tửu ! (dâng rượu).

Tất cả đều quỳ hiến rượu lên thần. Chủ tế, trợ tán, các chấp sự lạy bốn lần.

Tây xướng:- Hưng bình thân ! (đứng dậy).

Tất cả đều đứng lên.

Đông xướng:- Tiến văn chúc vị tiên! (đọc văn tế thần).

Hai trợ tán đến mở đài, lấy văn tế, hai tay nâng, trịnh trọng trao cho chủ tế. Trống, chiêng điểm nhịp.

Đông xướng:- Chủ tế quy ! Giai quy ! (Chủ tế và tất cả đều quỳ).

Đông xướng:- Đọc văn chúc (đọc văn tế).

Chủ tế đọc, giọng đồng dục: Việt Nam quốc, Hà Nam tỉnh ⁽⁵⁵⁾, Kim Bảng huyện, Quyển Sơn xã, tuế thứ(...), niên xuân nguyệt, thượng tuần, nhất nhật (hoặc lục nhật). Hội trường (...), đồng bản hương thượng hạ đẳng xuân tiết khách bái tạ cần dĩ tư thành, thanh trước, phù lưu thứ phẩm chi nghi cần chiêu cáo vu. Sắc nhạc thiên tôn mạnh chấn tĩnh Đoan Túc Thái Sơn Phủ Quân, Cao Thiện Đại Vương tôn thần gia tặng Dục Bảo Trung Hưng tôn thần vị tiên. Sắc mục Nhu Hoà gia tặng Đoan Trang Nhu Tĩnh Thuần Nhất. Lệnh Đức Vị Âm Khải Tường, gia tặng Trinh Khiết Nhu Hoà Hiển Ứng Hoàng Thái Hậu tôn thần vị tiên. Sắc trình mục Nhu Hoà Hiển Ứng Hoàng Công Chúa tôn thần vị tiên. Khánh Long tự Bát Long Thân gia tặng Nam Chân Tế vị thiên địa thủy

⁽⁵⁵⁾ Trước năm 1890, khi chưa có tỉnh Hà Nam, huyện Kim Bảng còn lệ thuộc phủ Ly Nhân, tỉnh Hà Nội thì lời văn tế sẽ là: Việt Nam quốc, Hà Nội tỉnh, Ly Nhân phủ, Kim Bảng huyện, Quyển Sơn xã... Chúng tôi ghi theo bản văn tế đầu thế kỷ XX, do ông Đinh Hoàng Kiểm, trong ban quản lý di tích lịch sử - văn hóa Đền Trúc cung cấp.

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

nhạc tiền. Tam toà Thánh Mẫu tứ vị Khâm sai hành quân tiền cô vị tiền. Việt vị hữu khách hái ta tất tiến lễ dạ cung duy đức Đại Vương phù dư dương tử hà nhạc trung ninh nãi văn chí tuý trình dương lôi sanh điện thọ chi. Uy linh đình Chiêm Thành dâng trừ man tặc thể hạ tràng sinh chư đức khuông phù quốc văn hoàng tế thượng sinh công việc màng đương thời hiển hách thần cao chiêm tư. Thế anh minh đồng huý đức căn kiện tự bản khôn chân phương dung dạ thịnh thức từ hoà bình giai đức huý tiết hạnh cần đoan trang u tĩnh ngọc khiết băng thanh yếu diệu chi hình dung mỹ diêm khoan hoà chi vũ lương, khôi hoành vạn cổ quang thủy tự điển linh chiều luỹ hạ sùng văn tự nhân khánh hội lễ dung khiết thành hiển dĩ âm nhạc bá chư ca thánh thương kỳ giám cách tư dân ư sương sí tai ương viên tống khứ hạp cảnh ư thanh bình. Cẩn cáo! Cung duy, thượng hưởng.

Chủ tế đọc văn chúc xong. Đông xướng:

- Hưng bình thân !

Chủ tế, bồi tế, các trợ tán, các chấp sự đều đứng dậy.

Tây xướng: - Hóa văn chúc (đốt văn tế).

Chủ tế châm lửa đốt văn tế. Vị quan viên này phải đốt sao cho văn tế cháy hết trên tay, chứ không để nó rơi, cháy dưới nền đình. Các trợ tán rỏ mấy giọt rượu vào tờ chúc văn đang cháy, có lẽ để lấy quân bình nước lửa, âm dương.

Đông xướng:- Nạp sắc !

Hai trợ tán mở rương, gấp sắc phong và thân phủ, cho vào rương, đập nắp lại. Lễ thành. Trong khi các

quan viên tế lễ, thì họ Dậm dưới sự chỉ dẫn của Bà Trùm, cũng múa hát thờ thần, theo cách riêng song rất nhịp nhàng với tế lễ. Nghĩa là múa hát Dậm và tế lễ đan lồng vào nhau, rất có trình tự, lớp lang. Theo hướng đạo của Bà Trùm, các gái Dậm lần lượt đi cách điệu thành hai hàng, từ sân đình vào gian trung tâm, vào hậu cung, rồi lại đi ra. Khi đi từ gian trung tâm ra sân đình, các gái Dậm vừa múa vừa hát các làn điệu. Còn khi họ đi từ ngoài sân đình vào gian trung tâm, thì chỉ múa tay, múa quạt giấy mà không hát, có lẽ để khỏi gây tiếng ồn, ảnh hưởng tiêu cực đến tế lễ. Về trình tự, khi các chấp sự thành viên ban tế lễ, đi cách điệu từ ngoài sân đình vào gian trung tâm hiến tửu thì các gái Dậm lại đi cách điệu từ gian trung tâm ra sân đình và ngược lại. Diễn xướng hát múa Dậm và tế lễ cứ đan xen vận hành như vậy suốt một thời gian một canh rượu (tương đương 180 phút giờ hiện đại), vào buổi sáng các ngày mồng một và mồng sáu tháng hai âm lịch.

*** Á HIẾN LỄ:**

Đông xướng:- Hành á hiến lễ! (dâng rượu lần thứ hai).

Đông xướng:- Nghệ tửu tôn, sở ca cư mịch

Chủ tế, bồi tế, hai trợ tán, các chấp sự cứ theo lệnh xướng lễ nghi mà hành lễ theo quy định. Các động tác đi, đứng, dâng rượu, dâng trà và múa hát Dậm diễn tiến đúng từng bước như ở "Sơ hiến lễ", chỉ không có động tác đốt văn chúc. Riêng có đông xướng, tây xướng yên vị từ đầu đến cuối để xướng lễ nghi. Các lễ thức diễn ra trong tiếng nhạc lưu thủy, trong nhịp trống chiêng, rất long trọng.

* **CHUNG HIẾN LỄ** (dâng rượu lần cuối)

Đông xướng:- Hành chung hiến lễ !

Chiêng trống luân phiên đóng ba hồi. Liên sau đó, phường bát âm tấu nhạc lưu thủy. Trình tự tế lễ, múa hát Dạm diễn ra như ở Sơ hiến lễ, Á hiến lễ. Nhưng ở Chung hiến lễ, có thêm một số tình tiết khác.

Dâng rượu lần cuối xong, đông xướng:

- Chủ tế, bồi tế, trợ tán xuất vị! Các bô lão tỵ vị !

Theo lệnh, chủ tế, bồi tế, trợ tán rời gian trung tâm, nhường chỗ cho các bô lão vào bái lạy Thành hoàng.

Đông xướng:- Chủ tế quy ! Giai quy ! (tất cả đều quỳ xuống).

Tất cả ban tế lễ đều quỳ xuống.

Tây xướng:- Ban ẩm phúc (ban cho chủ tế rượu đã cúng).

Chủ tế kính cẩn đón ly rượu mà hai trợ tán đưa từ trên bàn thờ xuống, uống hết.

Đông xướng:- Ban lộc (ban cho chủ tế thịt đã cúng).

Chủ tế kính cẩn đón miếng thịt nhỏ từ tay trợ tán, ăn tượng trưng.

Tây xướng:- Phủ phục (cúi xuống).

Chủ tế, bồi tế, trợ tán, chấp sự đều cúi lạy Thành hoàng.

Tây xướng:- Hưng bình thân ! (đứng dậy).

Đông xướng:- Cúc cung bái.

Xướng bốn lần, ban tế lễ lạy bốn lần.

Lễ tất. Chiêng, trống đóng ba hồi ba tiếng rồi dừng hẳn. Sau khoảng mười phút nghỉ ngơi, một vị quan viên,

thường là lý trưởng hoặc chánh hội thay mặt cho hội đồng kỳ mục, kỳ dịch, kỳ lão ban "lộc thánh" cho chủ tế, bồi tế, trợ tán, các chấp sự, đông xướng, tây xướng, các nghệ nhân họ Dậm, các quan viên khác, ước chừng chục mâm cỗ mặn, cỗ chay, để họ hưởng thụ ngay tại đình. Đồng thời, vị quan viên đó cũng ban lộc cho các trưởng giáp, để họ đem về chia cho các đầu đình, gọi là "thụ lộc" cầu may, cầu tài, cầu phúc! Người ta tin rằng, với "lộc thánh" được hưởng, năm ấy sẽ khoẻ mạnh, tiến tài, may mắn. Quá trình thực hành tế lễ, múa hát Dậm thờ thần ở làng Quyển, từ xưa đến nay, ngoài quy định về kiêng tên húy Thành hoàng, về tiêu chuẩn lễ vật, về chọn các cô gái son trẻ thanh tân vào họ Dậm, chọn các chàng trai son rồi để bơi chải, dân chúng và quan viên không đặt thêm lệ kiêng kị nào khác. Ở đây không thực hiện lễ túc trực như ở một số lễ hội ở vùng đồng bằng Bắc bộ và Trung bộ. Thay vào đó, họ Dậm tiếp tục múa hát Dậm để thờ thần khi không có tế lễ (thay cho lễ túc trực).

3. Múa hát Dậm (khi không có tế lễ đi cùng).

Hát Dậm thờ thần, thờ Thành hoàng của làng Quyển được diễn xướng theo hai phương thức chính, đó là múa hát đan xen cùng tế lễ (như đã khảo tả ở "2"), và hát múa khi không đi cùng tế lễ. Mục này, chúng tôi sẽ đi sâu khảo tả cách thức múa hát Dậm độc lập, vào buổi sáng và buổi chiều những ngày không có đại tế.

Hát Dậm, tự bản thân nó mang lưỡng tính, vừa là lễ, lại vừa là hội, vừa là "múa thiêng" (múa để thờ thần), lại vừa là "hát thiêng" (hát để thờ thần), chỉ diễn ra vào

những thời gian, không gian nhất định trong năm. Đây là loại hình nghệ thuật nguyên hợp, trong đó các thành tố ca - múa - nhạc - trình diễn không tách rời nhau, thông qua nhau mà phát huy tác dụng. Ở nó có những nét gần gũi, tương đồng với Hát Xoan Phú Thọ, Hát Dô, hội Vè Tàu Tượng Hà Tây, hội Lải Lèn Lý Nhân, Hà Nam, hội hát Văn (Phủ Giầy) Nam Định, trò Tú Huân trong lễ hội Xuân Phả, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá...⁽⁵⁶⁾ và cũng có những nét khác biệt, riêng có. Trong mối tương quan với tế lễ, với các trò chơi như tổ tôm điểm, đấu vật, múa lân, leo dây múa rối, bơi chải thì Hát Dặm thực sự đóng vai trò cơ bản hình thành hội làng - hội Dặm. Nó được Bà trùm và các gái Dặm trình diễn liên hoàn vào các buổi sáng từ ngày khai hội (mồng một) đến ngày giã hội (ngày mười tháng hai âm), vừa với mục đích tín ngưỡng, vừa với mục đích nghệ thuật, tại đình Trung và Đền Trúc.

Khác với Hát Xoan Phú Thọ chỉ có 14 làn điệu (qua cách), Quan Họ Bắc Ninh có 30 làn điệu gốc và gần 300 làn điệu phái sinh, Hát Đúm Hải Phòng chỉ có một làn điệu, Hát Dặm có 36 làn điệu. Nhưng trên thực tế vận hành, theo chúng tôi quan sát, Hát Dặm chỉ có 30 làn điệu. Có lẽ một số làn điệu đã thất truyền do tình trạng truyền khẩu giữa các nghệ nhân nhiều thế hệ. Cũng có

⁽⁵⁶⁾ Xin xem: *Lễ tục, lễ hội truyền thống xứ Thanh* - Lê Huy Trâm, Hoàng Anh Nhân - Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội 2001; *Kho tàng các lễ hội cổ truyền Việt Nam* - Nhiều tác giả - Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội 2001; *Lễ hội truyền thống và hiện đại* - Thu Linh và Đặng Văn Lung. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1984.

thể con số 36 chỉ là con số ước lệ, con số "thiên" trong tư duy dân gian, như 36 thứ chim (dân ca Quan Họ), 36 cái nơm nường, 36 phố phường Thăng Long chăng? Trong số 30 làn điệu đang lưu hành của Hát Dặm, chỉ có 26 làn điệu là có lời và giai điệu riêng, còn một số làn điệu không có ranh giới rõ ràng, ví dụ các làn điệu *Trấn Ngũ phương*, *Cần Miêu*, *Hỡi anh xinh...* Chúng có giai điệu giống nhau đến kinh ngạc.

Khi trình diễn hát múa Dặm, các gái Dặm lần lượt thực hiện động tác múa và lời hát theo nhịp sênh tre hoặc nhịp trống con từ làn điệu đầu tiên *Trấn ngũ phương*, đến hai làn điệu cuối *Bỏ bộ*, *Huê tình*, đấy là hát thờ - một hình thức bổ sung cho "lễ tức trực" sau buổi đại tế của các quan viên.

Về y phục, theo quy ước của làng, lúc diễn xướng, Bà Trùm mặc váy lụa đen, áo nhiễu tứ thân màu đỏ, thắt lưng lụa hồng, đầu chít khăn mỏ quạ bằng vóc đen, tay cầm đôi sênh tre (đôi khi cầm trống con), đứng giữa, trước hương án Thành hoàng (nếu ở đình), hoặc ở giữa sân đình (khi đàn xen cùng tế lễ); trước hương án thần (nếu ở Đền Trúc), để điều hành, đảm bảo cho việc múa hát thờ được thông suốt, không bị vấp vấp. Phía sau, hai bên tả và hữu Bà Trùm là các gái Dặm, đứng thứ tự theo hai hàng thẳng, trên lớn, dưới nhỏ, mỗi hàng từ 10 đến 12 cô. Có khi họ quay mặt vào nhau, cũng có khi họ cùng quay mặt về phía ban thờ. Tất cả đều mặc váy lụa đen, áo lụa tứ thân màu xanh hoặc màu hồng, đầu chít khăn mỏ quạ bằng nhiễu đen, thắt lưng hoa lý buông chùng, tay cầm quạt giấy, cũng có khi cầm gươm, giáo

bằng gỗ. Cách trang phục như thế là tương đối giống với cách ăn vận của các "liền chị" Quan Họ Bắc Ninh, nhất là giống cách trang phục của các cô gái trong hát Đúm Thủy Nguyên, Hải Phòng. Chỉ khoảng vài chục năm trở lại đây, trang phục của các gái Dậm và các "liền chị" Quan Họ mới thay đổi, so với trang phục truyền thống. Chẳng hạn, các "liền chị" thay áo tứ thân bằng áo ngũ thân. Còn các gái Dậm thì thay áo tứ thân và váy bằng áo dài giống áo tân thời, mặc quần lụa các màu, và cũng không chít khăn mỏ quạ nữa. Riêng Bà Trùm Dậm thì mặc quần và áo dài bằng vải lĩnh màu vàng, thắt lưng lụa đỏ, đầu chít khăn nhiễu hồng có thêu hoa văn kim tuyến. Việc ăn vận của Bà Trùm hiện tại rất xa lạ với tư duy truyền thống của người Việt cổ và người Đông Á (Trung Quốc, Triều Tiên), bởi mầu vàng, tượng trưng cho hành Thổ, ở phương trung tâm, là mầu chỉ giành riêng cho vua. Thứ dân không bao giờ được phép mặc áo quần mầu vàng cả. Khi trình diễn hát múa Dậm, các nghệ nhân có xu hướng làm sống lại không khí, quang cảnh thời xưa, cho nên cần tôn trọng trang phục cổ truyền, không nên thay đổi tùy tiện theo thị hiếu thời hiện đại, làm mất đi nếp cũ đáng xưa của một phong tục lành mạnh. Nhìn chung, về y phục, ở dạng cổ trung, của họ Dậm tương đối giống với y phục của các nghệ nhân Quan Họ Bắc Ninh và các nghệ nhân trong lễ hội Hát Xoan Phú Thọ. Điểm khác biệt là các "liền chị" thì tay cầm hoặc đầu đội nón thúng quai thao, còn các gái Dậm thì chỉ chít khăn mỏ

qua, không bao giờ đội nón - dù đó là nón thúng quai thao hay nón thông thường.

Quá trình diễn xướng múa hát Dậm là quá trình phối hợp nhịp nhàng giữa Bà Trùm với các gái Dậm. Thông thường, trước một làn điệu, Bà Trùm bao giờ cũng hát câu dạo đầu, kiểu như người lĩnh xướng, rồi gần như cùng lúc, làm động tác múa mẫu để các gái Dậm múa hát theo, có lẽ để tránh trùng lặp hoặc nhầm lẫn⁽⁵⁷⁾. Đôi khi, Bà Trùm cũng rời vị trí, đi dạo quanh để quan sát, nhắc nhở học trò, với mục đích tránh những điệu múa và lời hát lạc điệu, điều mà người điều khiển nếu chỉ đứng giữa thì không thể nhận thấy được.

Mỗi làn điệu Dậm bao giờ cũng đòi hỏi đi kèm một vài động tác múa biểu hiện, hoặc là múa quạt, hoặc là múa tay, chân nhún nhảy; hoặc là múa bằng mái chèo, cũng có lúc múa bằng gươm giáo (dạng đao cụ), tùy theo yêu cầu của từng làn điệu cụ thể. Nhịp điệu lời ca, nhịp múa nhanh hay chậm là dựa trên cơ sở nhịp sinh tre, nhịp trống con do Bà Trùm điều khiển và xét cho cùng thì do yêu cầu nội tại của việc diễn xướng sự tích nhân vật anh hùng và nhân vật sáng tạo văn hóa Lý Thường Kiệt, quy định. Múa hát Dậm là nghi thức tế lễ Thành hoàng, là dân ca dân vũ, được thực hiện nhằm mục đích thờ thần ở đình, ở đền dịp đầu xuân, khi làng

⁽⁵⁷⁾ Lệ làng quy định chỉ có những cô gái son trẻ, thanh tân mới được múa hát Dậm trước bàn thờ Thành hoàng, cho nên năm nào Bà Trùm cũng "tuyển chọn" thêm những cô gái mới thắc lên, đưa vào đội hình thay cho những cô lập gia đình. Những cô gái Dậm mới này múa hát chưa thạo lắm, hay bị nhầm lẫn, mắc lỗi. Vì thế Bà Trùm phải làm động tác hát múa "mẫu" để họ làm theo cho đỡ sai sót.

vào đám. Các nghệ nhân dân gian muốn thông qua lời ca, tiếng hát, điệu múa mang tính biểu trưng cao để giao cảm với thần linh, cho nên có thể quan niệm đó là "hát thiêng", "múa thiêng". Nhưng dù là "hát thiêng", "múa thiêng" với mục đích thờ thần thì lời ca, tiếng hát vẫn cần phải du dương, trầm bổng, động tác múa vẫn phải linh hoạt, uyển chuyển, bởi thế hát múa Dậm cũng mang tính nghệ thuật đậm nét. Quá trình chuyển hoá mang tính nước đôi - tính tín ngưỡng và tính nghệ thuật ấy, các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian gọi là quá trình "lễ thức hoá nghệ thuật" và "nghệ thuật hoá lễ thức". Và sự kết hợp không tự giác giữa tính "thiên" với tính nghệ thuật của Hát Dậm trong lễ hội đã tạo ra sức sống mạnh mẽ cho nó, khiến cho nó có sức lôi cuốn với dân chúng, không gây cảm giác nhàm chán cho họ suốt gần một nghìn năm qua.

Về lễ lối hát múa Dậm, qua nhiều lần quan sát, chúng tôi thấy nó rất giống với lễ lối của một số lễ hội khác thuộc đồng bằng sông Hồng như Hát Xoan Phú Thọ, hát Quan Họ Bắc Ninh, Hát Đô, hát Vè Tàu Tượng Hà Tây, hát Ải Lao trong hội Dóng ngoại thành Hà Nội, hát Lải Lèn Hà Nam. Nó cũng có phần giống với hát Xoong Hào của dân tộc Dao Lạng Sơn. Nghĩa là, suốt gần nghìn năm qua, Hát Dậm Quyển Sơn và các lễ hội kia bao giờ cũng vận hành theo một trình tự chặt chẽ, đó là: trước hát múa giọng lễ lối (mang tính lễ nghi), sau hát múa giọng vật (mang tính trữ tình, giao duyên). Ngay cả hát Đúm, hát Trống quân thời xa xưa, cũng gắn liền với nghi lễ. Phần hát giọng lễ lối của Hát Dậm bao

chứa tới trên 80% tổng số các làn điệu, gồm có hát giáo đầu, hát nghi lễ, hát chúc tụng với các làn điệu như *Trần ngũ phượng, Cầm miêu, Chấn tâm, Mặc cúi, May áo, Múa chèo, Mãi Trần, Đẩy xe, Mái hò một, Mái hò hai, Mái hò ba, Chèo quỳ* ... Phân giọng vật có *Bỏ bộ, Huế tình, Giáo vọng*. Đáng chú ý là phân giọng vật của Hát Dậm rất ít, chỉ vài làn điệu với hơn chục lời ca, có giai điệu giống nhau, tạm hiểu là "điệp khúc". Trong khi đó thì phân giọng vật của Quan Họ Bắc Ninh có tới gần 300 làn điệu, phân giọng vật của Hát Xoan Phú Thọ có khoảng gần một phần ba tổng số các làn điệu, như *Bơm gái, Xe chỉ, Bỏ bộ, Tứ mùa cách* ⁽⁵⁸⁾. Ở Hát Dô và hát Vè Tàu Tượng, phân giọng vật cũng không đến nổi quá ít so với phân giọng lễ lối. Chính sự chênh lệch tỷ lệ giữa giọng lễ lối với giọng vật đã quy định Hát Dậm, Hát Xoan, Hát Dô, hát Lải Lèn, hát Vè Tàu Tượng là hát nghi lễ - phong tục, còn hát Quan Họ là hát giao duyên. Mà đã là hát nghi lễ, gắn với lễ hội một làng cụ thể, thì hầu như không phổ biến rộng; còn hát giao duyên thì dễ lan truyền ra những làng quê lân cận. Mặc dầu vậy, có nhiều dấu hiệu chứng tỏ Quan Họ Bắc Ninh, thời kỳ đầu trong chặng đường phát triển lâu dài của nó, vốn cũng là hát nghi lễ - phong tục, bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ Vua Bà, thờ Đông Hải Đại Vương, thờ bà Chúa Chè, thờ bà Ý Lan Nguyên Phi ... Nó mới chuyển hoá mạnh từ hát

⁽⁵⁸⁾ Phân giọng lễ lối của Quan Họ chỉ có khoảng 36 làn điệu trở lại, gọi là làn điệu gốc. Xin xem: *Quan Họ - nguồn gốc và quá trình phát triển* - Đặng Văn Lung, Thu Linh, Hồng Thao, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1978.

nghi lễ sang hát giao duyên khoảng vài thế kỷ nay, dưới thời Lê Trịnh, Nguyễn. Với Hát Dậm, quá trình chuyển hoá ấy diễn ra chậm, yếu ớt, dẫn tới chỉ hình thành làn điệu *Bỏ bộ*, *Huê tình*, *Giáo vọng* vào khoảng giữa hoặc cuối thế kỷ XIX, như một sự bổ sung nhiều hơn là một sự thay đổi về chất lượng.

Trong lúc hát múa Dậm diễn ra ở đình (từ mồng một đến mồng sáu tại đình làng; mồng bảy đến mồng mười tại Đền Trúc), thì một số trò vui khác cũng đồng thời diễn ra ở những địa điểm ấy, vào buổi sáng hay buổi chiều, đôi lúc cả vào buổi tối, như hát chèo, hát tuồng, leo dây múa rối, tổ tôm điếm...

4. Bơi chải

Là một thành tố quan trọng và hữu cơ cấu thành lễ hội Hát Dậm, trò bơi chải - một trò thi đấu - thể thao rất lớn, rất đông vui, hầu như năm nào cũng chỉ diễn ra vào buổi sáng ngày mồng sáu tháng hai âm lịch - ngày lễ Đại kỳ an, ngày "việc làng" của dân chúng Quyển Sơn, trên khúc sông Đáy dài khoảng hai ki lô mét, gần như song song với trò múa hát Dậm ở đình làng, từ 8 giờ đến 10 giờ 30, trước cửa Đền Trúc. Diễn trường bơi chải kéo dài từ cửa Đền Trúc đến chân cầu Quế (trước đây là cầu bương tre) và ngược lại, dọc theo bờ hữu sông Đáy. Điểm đầu và điểm cuối diễn trường bơi chải, người ta cho cắm cọc tre dài, đầu cọc sơn đỏ, nhô cao hơn mặt nước chừng một mét tây để làm mốc. Cạnh bờ sông, nơi cửa Đền Trúc có dựng một lá cờ thần lớn, màu xanh, đỏ, trắng, vàng, xếp thành bốn hình vuông bọc lấy nhau, vạch đỏ ở ngoài cùng, vạch trắng ở vị trí thứ hai, vạch xanh ở vị

trí thứ ba, vạch vàng ở trong cùng. Lá cờ đại này được thêu thùa rất công phu, có dải phướn bay phấp phới.

Lệ làng Quyển từ xưa quy định, trò múa hát Dậm chỉ giành cho nữ thanh niên son trẻ, thanh tân, còn trò bơi chải dưới sông thì chỉ giành cho nam thanh niên cũng còn thanh tân, son trẻ. Quy định ấy vô tình đã tạo ra biểu tượng cặp đôi Âm - Dương, Nước - Cạn cho lễ hội, khiến nó thêm sâu sắc ý nghĩa văn hóa. Mỗi năm làng tổ chức bơi chải một lần, mỗi lần có bốn thuyền tham dự thi đấu và có một thuyền giám khảo, làm trọng tài, (giống như hội bơi chải làng Đăm (Tây Tụ) ngoại thành Hà Nội, như hội bơi chải làng Vạc xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá), tổng số có năm thuyền. Trên thuyền giám khảo có sáu người, gồm một vị giám khảo do một quan viên đảm nhiệm, cùng một trai bơi cầm lái và bốn trai bơi. Vị giám khảo, mặc quần áo lụa xanh, thắt lưng đỏ, đầu chít khăn nhiễu đỏ hình chữ nhân, nai nịt gọn gàng, trông oai phong và có dáng dấp người chỉ huy thủy quân trên chiến trường thời xưa. Còn bốn thuyền đua của bốn giáp, mỗi thuyền có ký hiệu riêng, có tất cả 13 người, trong đó có một người cầm mõ chỉ huy chung, một người cầm lái, một người cầm cờ đuôi nheo, mười trai bơi ngồi chia đều làm hai hàng theo hai mạn thuyền. Trừ vị giám khảo cao tuổi hơn, khoảng tứ tuần trở lên, còn tất cả các trai bơi đều ở độ tuổi từ 18 đến 22. Ai nấy đều mặc quần đùi, áo cộc tay màu xanh hoặc màu đỏ, thân hình vạm vỡ, nhanh nhẹn, tháo vát.

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYẾN SƠN

Trên tay mỗi trai bơi đều cầm một cái dầm gỗ, dùng làm mái chèo.

Khoảng năm chục năm trở lại đây, cách tổ chức bơi chải, trang phục của các trai bơi có thay đổi so với trước kia. Số thuyền tham gia dự thi không nhất thiết là bốn mà có thể là năm hay sáu chiếc, do tổ chức "giáp" không còn tồn tại nữa. Các đội đua cũng ăn vận quần áo khác nhau. Chẳng hạn, đội thuyền đua thứ nhất, các trai bơi đều đội mũ vải đỏ, áo cộc tay màu trắng, quần đùi màu xanh thẫm, thắt dây lưng đỏ. Đội đua thứ hai, các trai bơi đều đội mũ vải xanh, áo cộc tay xanh thẫm, quần đùi màu trắng, thắt dây lưng xanh. Đội đua thứ ba, các trai bơi đều đội mũ vải vàng, áo cộc tay màu đỏ, quần đùi màu trắng, thắt dây lưng vàng v.v... Thuyền đua chải hiện nay cũng khác xưa nhiều. Thân thuyền làm bằng gỗ chịu nước, chịu mưa nắng, dài tới 8 mét tây, đầu và đuôi thuyền thiết kế hơi vuông. Phía đầu mũi thuyền có cắm mảnh gỗ hình đầu rồng và lá cờ đuôi nheo. Mỗi thuyền có tới 19 người, trong đó một người thổi còi chỉ huy chung, một người cầm lái, một người gõ mõ làm nhịp, 16 tay chèo ngồi chia đều thành hai hàng ở hai mạn thuyền. Tuổi của trai bơi có thể tới 30 và có thể có gia đình riêng.

Từ sáng sớm ngày mồng sáu, trai bơi của bốn giáp đã tề tựu đầy đủ ở Đền Trúc. Một quan viên dẫn họ vào gian trung tâm làm lễ trình diện thần. Bái thần xong, tất cả đều đi ra bờ sông Đáy, nơi có thuyền đua neo đậu từ chiều hôm mồng năm. Lúc này, dân chúng đến xem và

cổ vũ bởi chài đã rất đông, ồn ào, nhộn nhịp. Theo sự hướng dẫn của thuyền trưởng, các trai bơi lần lượt xuống thuyền của giáp mình.

Đúng giờ quy định, chiêng trống nổi lên ba hồi ba tiếng, pháo nổ ròn rã. Bốn thuyền đua đại diện cho bốn giáp bắt đầu vào vị trí xuất phát, trong tiếng hò reo vang dậy của dân chúng. Các trai bơi đều phấn chấn, hồi hộp, căng thẳng, chăm chú nhìn vào nơi thuyền giám khảo. Cuộc đua tiến hành theo thể thức loại trực tiếp, qua hai vòng xuôi, ngược. Điểm xuất phát ấn định trước cửa Đền Trúc, đến cầu Quế thì vòng ngược trở lại điểm xuất phát. Thuyền nào về đích trước tiên, coi như thắng cuộc. Thuyền nào về đích thứ hai đoạt giải nhì. Các thuyền về đích chậm hơn coi như thua cuộc.

Khi chiếc cờ đuôi nheo trên tay đang giơ cao quá đầu của vị giám khảo chém mạnh xuống không khí, cuộc đua lập tức diễn ra. Cả bốn con thuyền đều lao đi như tên bắn. Theo nhịp mõ réo, các trai bơi sải dầm xuống nước, động tác nhanh, mạnh, dứt khoát. Các bắp tay nổi cuộn cuộn. Tiếng dầm xé nước rào rào, sôi sục. Bọt sủi trắng xoá. Tiếng reo hò cổ vũ âm ĩ, vang dội cả một vùng quê. Không khí trường đấu sôi động, rộn rã, khiến cả người xem thi đấu lẫn người thi đấu đều đắm mình trong cảm xúc lâng lâng khó tả. Đó là những phút giây họ thăng hoa tinh thần cao độ. Phẳng phát đầu đây hơi hướng sử thi hào hùng của cuộc hành quân đường thủy phạt Tống bình

Chiêm do Lý Thường Kiệt chỉ huy giữa thế kỷ XI. Niềm tự hào trào dâng trong mỗi con người.

Kết thúc cuộc thi bơi chải, thuyền đoạt giải nhất và thuyền đoạt giải nhì sẽ được một vị chức sắc của làng trao giải, ngay trên sân Đền Trúc, nhằm khen thưởng, động viên kịp thời. Phần thưởng cho những thuyền thắng cuộc thường là tiền quan và vải lụa. Thuyền về nhất được làng thưởng cho 5 quan tiền, chục vuông nhiễu. Thuyền về nhì được làng thưởng cho 3 quan tiền, bảy vuông nhiễu. Các thuyền không đoạt giải được ụy lạo bằng 3 vuông lụa để động viên năm sau cần cố gắng. Giá trị vật chất của phần thưởng không đáng kể, chỉ mang ý nghĩa tượng trưng là chính. Song giá trị tinh thần của nó lại rất lớn. Đối với các đội bơi chải nói riêng, đối với cả dân làng Quyển nói chung, chuyện thắng thua không phải là vấn đề chính. Vấn đề chính đối với họ là đã cống hiến hết mình cho thân linh, cho cộng đồng, hy vọng sẽ có một năm mới an khang, thịnh vượng. Hiểu theo nghĩa này thì cuộc thi bơi chải làng Quyển không có kẻ thất bại tuyệt đối. Có lẽ vì thế mà người dân nơi đây tin rằng, năm nào làng họ không tổ chức thi bơi chải được thì năm đó dân chúng hay đau ốm, mùa màng thất bát, làm ăn luẩn quẩn. Suy nghĩ ấy cố nhiên không mang tính khoa học, nhưng nó gợi ý cho chúng ta thấy mối liên hệ mật thiết, máu thịt giữa bơi chải với tâm linh người dân Quyển Sơn xưa nay.

Tìm hiểu bơi chải đầu xuân hàng năm trong hội Dặm làng Quyển, từ góc độ văn hóa dân gian, chúng tôi thấy có nhiều lớp văn hóa che phủ, thậm chí còn đan xen vào nhau, không dễ bóc tách. Vận dụng phương pháp loại hình, nhiều nhà nghiên cứu văn hóa của chi hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tỉnh Hà Nam có thể thống nhất bóc tách việc bơi chải trong hội Dặm thành mấy lớp nghĩa, lớp văn hóa sau:

- Lớp văn hóa đương đại: bơi chải được thức nhận như một hoạt động thi đấu - thể thao trong ngày lễ hội. Đây là lớp văn hóa muộn, hầu hết dân chúng đều có thể nhận diện được một cách dễ dàng ⁽⁵⁹⁾

- Lớp văn hóa trung đại: cuộc thi bơi chải được hiểu như là hành động tưởng niệm, mô phỏng, tái hiện cuộc hành quân đường thủy của quân đội Đại Việt, thời lý, ở thế kỷ XI, dưới sự chỉ huy của danh tướng Lý Thường Kiệt nhằm bình Tống phạt Chiêm, bảo vệ nền độc lập của đất nước, trên tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. Theo chúng tôi suy nghĩ, ngoài mục đích tưởng niệm, mô phỏng, tái hiện cuộc hành quân đường thủy do Lý Thường Kiệt chỉ huy, mà ai cũng biết, thì cuộc thi bơi chải trong hội Dặm còn gợi liên tưởng đến sự trường tồn và về cái thiêng liêng, cao quý. Có thể nhận biết điều này

⁽⁵⁹⁾ Xin xem *Đưa thuyền trong lễ hội làng Quyển Sơn* - Phạm Quốc Toàn, tạp san "Văn hoá thông tin Hà Nam" số Xuân năm 2002. Chúng tôi công nhận mấy luận cứ trong bài này để làm cơ sở rút ra những nhận định riêng, sâu hơn về ý nghĩa văn hoá của trò bơi chải trong hội Dặm làng Quyển, theo kiểu tam đoạn luận, công nhận cái A để tiến tới phát hiện cái B và cái C.

qua hoa văn trang trí hình rồng trên các mũi thuyền đua. Trong tâm thức người Việt, con rồng là biểu tượng cho sự cao quý, linh tượng của vua, của quyền uy. Rồng trong trí tưởng tượng dân gian, có thể sống dưới nước, nhưng có thể bay nhảy trên mây, dù không có cánh. Cho nên nó tượng trưng cho sự mềm dẻo, linh hoạt của người dân nông nghiệp. Đặc biệt, rồng có liên quan đến quy (rùa), li (lân), phụng (phượng), hợp thành tứ linh Long, Li, Quy, Phụng - một thang bậc giá trị văn hóa của người Việt cổ. Điều này góp phần giải thích vì sao rồng (Long) xuất hiện phổ biến trong kiến trúc cung đình, trong kiến trúc đình, chùa, đền, miếu, phủ từ Bắc tới Nam. Hơn nữa, hình tượng rồng còn gợi liên tưởng đến Lạc Long Quân - ông tổ của người Việt cổ qua truyền thuyết khai sáng *Lạc Long Quân và Âu Cơ* - tức là gợi nhớ về nguồn gốc và tổ tiên của người Lạc Việt.

- Lớp văn hóa cổ đại: cuộc bơi chải được thức nhận như một hành động tín ngưỡng nhằm cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, người và vật thịnh vượng của cư dân nông nghiệp lúa nước vùng đồng bằng sông Hồng. Vì sao? Vì đối với cư dân vùng đồng bằng, con thuyền là phương tiện đi lại, làm ăn chủ yếu. Vì con rồng là biểu tượng về nước - một khâu cơ bản trong chu trình sản xuất nông nghiệp "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống". Đây cũng là nguyên nhân nảy sinh tục bơi chải xuất hiện phổ biến ở nhiều nơi trên nước ta và hầu khắp các quốc gia Đông Nam Á như Căm Pu Chia, Thái Lan, Malaixia, Pilíppin, Indônêxia... Tìm hiểu trên thực địa, những vùng này đều là trung tâm trồng cây lúa nước

hoặc là vùng vạ chài của ngư dân, bao gồm cả dân tộc Kinh lẫn dân tộc Chăm, Khơ - Me, Mã Lai đa đảo...

- Lớp văn hóa tối cổ, ít nhiều có liên quan đến tín ngưỡng phồn thực, đến triết lý Âm - Dương của các cư dân nông nghiệp Đông Nam Á tiền sử⁽⁶²⁾. Trong hội Dậm, bơi chải không diễn ra riêng lẻ, mà song hành với múa hát Dậm ở đình làng. Nếu bơi chải hoàn toàn do nam giới thực hiện, mang tính Dương thì hát múa Dậm hoàn toàn do nữ giới thực hiện, mang tính Âm. Cả hai tạo thành biểu tượng cặp đôi Âm Dương. Sự giao thoa giữa Âm - Dương dẫn đến sinh sôi nảy nở, nhân khang vật thịnh, ngô lúa bội thu. Bởi thế, chúng tôi dự đoán, có nhiều khả năng tục bơi chải và tục hát múa Dậm là sự thăng hoa, biến cải của triết lý nam - nữ, Cạn - Nước thời xa xưa, sau được lịch sử hoá, nghi lễ hoá thành lễ hội lịch sử - phong tục làng Quyển. Các tài liệu lịch sử - văn hóa, cũng như một số công trình khoa học xã hội - nhân văn do các nhà khoa học có uy tín viết gần đây như *Tìm về bản sắc văn hóa dân tộc* của Phó Giáo sư - Tiến sĩ khoa học Trần Ngọc Thêm; *Cơ sở văn hóa Việt Nam* do Giáo sư Trần Quốc Vượng chủ biên; *Việt Nam - cái nhìn địa - văn hóa*, *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm* của Giáo sư Trần Quốc Vượng; *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng tín ngưỡng ở Việt Nam* do Phó Giáo sư - Tiến sĩ Ngô Đức Thịnh chủ biên; *Văn hóa dân gian*

⁽⁶²⁾ Đông Nam Á tiền sử là vùng đất rộng, bao gồm Đông Nam Á ngày nay, cộng thêm toàn bộ vùng đất phía nam công Dương Tử (Trường Giang); nơi có khối cư dân Bách Việt sinh tụ. Khoảng 300 năm trước Công Nguyên, nhà Tần đem quân thôn tính, rồi sát nhập phần đất phía nam sông Dương Tử vào Trung Quốc.

Việt Nam trong bối cảnh văn hoá Đông Nam Á do Giáo sư Đinh Gia Khánh biên soạn; *Góp phần tìm hiểu văn hóa - tộc người* do Phó Giáo sư Từ Chi (tức Trần Từ) viết, đều thống nhất khẳng định rằng, tín ngưỡng phồn thực đã nảy sinh, phát triển từ khi con người còn sống trong thời đại nguyên thủy, trình độ nhận thức còn rất mông muội, thấp kém. Con người khi ấy nhìn nhận, hình dung sự phát triển của thế giới tự nhiên và xã hội như là hệ quả tất yếu của hành động tính giao nam - nữ vậy. Quan niệm phồn thực chi phối con người mạnh đến mức người ta liên tưởng quan hệ giữa Trời và Đất, Dương và Âm, thậm chí còn "nhân hoá" cả lực lượng tự nhiên như đất trời, sông núi theo hình mẫu vợ chồng: cha Trời - mẹ Đất, theo cấu trúc Trời tròn (Dương) - Đất vuông (Âm). Người Lạc Việt làm bánh chưng (vuông) và bánh dày (tròn) cũng có liên quan đến quan niệm trên. Mãi đến những năm cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, tín ngưỡng phồn thực vẫn còn chi phối mạnh đến tư duy hình tượng của Nguyễn Gia Thiều, khi ông viết:

"Cố âm dương, cố vợ chồng
Dấu là trời đất cũng vòng phu thê"⁽⁶³⁾

Trải qua nhiều năm tháng với nhiều tuần hoàn đắp đổi, nhiều thăng trầm lịch sử, tín ngưỡng phồn thực có nhiều biến cải, tùy theo từng địa phương, từng dân tộc cụ thể (Việt, Chăm, Khơ Me) mà nó có những dạng thức tồn tại cụ thể khác nhau, như Đục - Cái, Nỗ - Nường, Ông Đùng - Bà Đà (Việt, Mường đều có); Vương - Tròn

⁽⁶³⁾ Dẫn theo *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* - Ngô Đức Thịnh chủ biên, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.

(Việt); Càn - Nước; Linga - Yuni (Chăm); Bánh trung - Bánh cuốn (lễ hội làng Dị Nậu, tỉnh Phú Thọ)..., rồi mai một dần và mất dần do sự xuất hiện của tư duy khoa học. Cuối cùng, nó chỉ còn tồn tại rất mờ nhạt trong đời sống văn hóa - tinh thần đương đại, mà trò bơi chải và trò múa hát Dậm là một biểu hiện. Tất nhiên, giữa bơi chải và hát múa Dậm với các biểu tượng Đực - cái, Âm - Dương, Nõ - Nường có một khoảng cách rất xa xôi về cách hiện diện. Điều này không có gì lạ, bởi một bên là biểu tượng rất gần với hình mẫu sinh thực khí nguyên sơ (Đực - Cái; Nam - Nữ, Nõ - Nường), còn một bên là biểu tượng cùng loại nhưng đã được cách điệu hoá, nghệ thuật hoá, lịch sử hoá cao độ. Dạng thức biểu hiện khác nhau song lại đồng tâm, đồng trục. Suy ngẫm cho kỹ, trò bơi chải và múa hát Dậm trong lễ hội truyền thống làng Quyển đều trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến triết lý "lưỡng phân lưỡng hợp" của người xưa. Một cái nhìn hời hợt rất dễ dẫn đến phủ định mối tương quan ngầm giữa chúng, và hệ quả tất yếu dẫn đến là không nhận diện được lớp văn hóa cổ, tối cổ che phủ đối tượng.

Giữa trò (tục) bơi chải làng Quyển Sơn với trò (tục) bơi chải ở một số làng quê khác như bơi chải làng Đăm, bơi chải làng Đông Xâm, bơi chải làng Sa Lãng (đều ở ngoại thành và xung quanh Hà Nội); bơi chải hội chùa Keo (Thái Bình); bơi chải trong lễ hội làng Cự Nham, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, bơi chải trong lễ hội đền Mung xã Trung Thành, huyện Nông Cống, cũng tỉnh Thanh Hoá; hội đua ghe Ngo ở đồng bằng sông Cửu Long của dân tộc Khơ Me vv... có những điểm giống nhau và khác nhau do tập quán từng nơi khác nhau.

Về những điểm giống nhau, có thể thấy:

- Tất cả các cuộc thi bơi chải đều được tiến hành với mục đích cầu mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt, nhân khang vật thịnh.

- Tất cả các cuộc thi bơi chải đều gắn với tín ngưỡng thờ thần mà chủ yếu là thủy thần hoặc có hành trạng liên quan đến sông nước, do đó gắn với lễ hội và hội làng. Thí dụ, bơi chải làng Đăm là để tưởng niệm Thánh Tam Giang (thực chất là thờ rắn nước, thường luồng được linh hoá - một biến dạng của Ông Cộc - Ông Dài trong truyền thuyết dân gian, sau được lịch sử hoá thành Quan lớn Tuần Tranh); bơi chải làng Hạ Cát (Đan Phượng, Hà Tây) là ôn lại cuộc luyện thủy quân của Hai Bà Trưng; bơi chải chùa Keo là để biểu dương công đức Thiền sư Không Lộ - người mà tương truyền đã sáng lập ra nghề đúc đồng Việt Nam; bơi chải xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ít nhiều liên quan đến hành trạng ngư thân Vũ Cối; bơi chải làng Quyển nhằm tưởng niệm và tái hiện cuộc hành quân đường thủy chinh phạt Chiêm Thành của Lý Thường Kiệt...

Về những điểm khác nhau, có thể thấy:

- Trò bơi chải của làng Quyển, làng Sa Lãng, làng Hạ Cát, chùa Keo, làng Cự Nham chỉ được tổ chức theo quy mô làng, còn trò bơi chải làng Đăm (ngoại thành Hà Nội), làng Vạc (xã Thiệu Đò, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá), trò đua ghe Ngo của dân tộc Khơ Me Nam bộ lại được tổ chức theo quy mô liên làng, quy mô vùng. Làng Đăm (Tây Tựu) xưa rất rộng, gồm ba thôn là thôn Thượng, thôn Trung, Thôn Hạ, thực ra là ba làng, cùng

thờ chung Thánh Bạch Hạc Tam Giang. Làng Vạc huyện Thiệu Hoá, Thanh Hoá xưa cũng gồm 5 làng là: Cổ Đô Thượng, Hồng Đô, Thọ Sơn, Yên Tân, Phú Văn. Cả năm làng đều thờ chung ba vị thần, gồm Đức Thánh Cả, Linh Quang Đại Vương, Tô Đại Lưu (tức Tô Hiến Thành) ở một cái nghề gọi là Nghề làng Vạc. Hội đua ghe Ngo vùng đồng bằng Nam bộ do hàng chục phum sóc cùng tham gia.

- Tính chất đua tranh của trò bơi chải từng làng quê cũng khác nhau do môi trường sống và phong tục từng làng quy định. Thí dụ, thuyền đua làng Sa Lãng, một làng giáp ranh giữa Hà Nội và Hà Tây, phải bơi ngang sông Hồng khi nước chảy xiết, nếu không bơi nhanh sẽ bị cuốn trôi, lâu về tới đích; thuyền đua làng Đăm, trong khi bơi, người điều khiển phải dùng nhiều động tác kỹ thuật phức tạp như bóng thuyền (đẩy, chen thuyền đua bạn lấy chỗ cho thuyền mình), dúc thuyền (lướt thuyền, vượt góc thuyền bứt lên mà không va vào thuyền đua bạn), lạng thuyền (kỹ thuật chống, đẩy thuyền bạn, không cho thuyền bạn chạm vào thuyền mình). Trong khi đó thì thuyền đua làng Quyển phải bơi dọc theo khúc sông Đáy hai vòng, mỗi vòng dài khoảng 2000 mét, nếu các trai bơi không sải dầm nhanh, quyết liệt ngay từ đầu thì rất dễ bị thua cuộc. Một ví dụ khác, theo tác giả Toan Ánh trong *Nếp cũ hội hè đình đám*⁽⁶⁴⁾, cũng như theo tác giả Lê Xuân Lý trong tiểu luận *Lễ hội bơi*

⁽⁶⁴⁾ Sách đã dẫn

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

chải làng Đăm⁽⁶⁵⁾, một làng quê ở huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, có tổ chức thi bơi chải vào mùa xuân, trước khi các thuyền đua xuất phát, ban chỉ đạo hội lễ đã cho đục một lỗ nhỏ ở đáy mỗi chiếc, buộc các thủy thủ phải sải dầm nhanh, nếu không muốn thuyền mình bị đắm. Cuộc đua chải do thế mà trở nên sôi động, quyết liệt hơn.

- Cách trang trí thuyền đua từng làng quê cũng khác nhau. Thuyền đua làng Quyển trang trí hoa văn hình dẫu rồng. Thuyền đua làng Đăm (Tây Tựu), Từ Liêm, Hà Nội trang trí hình con rùa, con đĩa, con hạc. Ghe Ngo của dân tộc Khơ Me (đồng bằng sông Cửu Long) trang trí hình rồng, rắn hoặc cá sấu. Còn thuyền đua của các làng chài ven biển thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hoá, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định... phần lớn trang trí hình cá. Cách trang trí thuyền đua ở từng địa phương là do môi trường sống cụ thể gợi ý và quy định.

- Hầu hết các trò bơi chải ở các địa phương đều gắn với một hội làng cụ thể và thường bị che phủ bởi nhiều lớp văn hóa.

- Nếu mở rộng so sánh, chúng tôi thấy giữa lễ hội Hát Dạm làng Quyển với hội Dống ở làng Phù Đổng, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (nay là huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), cũng có đôi nét giống nhau, liên quan đến triết lý Âm Dương của người Việt cổ. Đó là, ở hội

⁽⁶⁵⁾ Lê Xuân Lý - Nguyễn Thị Chung: Sinh hoạt văn hoá dân gian ở một làng ven đô - Nxb Văn hoá Thông tin, năm 2003 .

Dậm, có trò múa hát Dậm do toàn nữ giới đảm nhiệm (Âm) và trò bơi chải hoàn toàn do nam giới thực thi (Dương). Ở hội Đống, khi tái hiện chiến công đánh giặc Ân của Thánh Đống, người ta bao giờ cũng tổ chức quân sĩ do Xung Thiên Thân Vương chỉ huy toàn là nam giới, trai tráng, sung sức, biểu tượng cho yếu tố Dương. Ngược lại, quân tướng giặc Ân bao giờ cũng gồm 28 nữ tướng từ 10 đến 13 tuổi, lực lượng yếu kém hơn, biểu tượng cho yếu tố Âm. Qua đó, đủ thấy triết lý Âm Dương, ngũ hành sinh khắc có ảnh hưởng rất sâu sắc đến lễ hội truyền thống của người Việt cổ.

- Trò bơi chải trong hội Dậm làng Quyển là một nét riêng trong tổng thể văn hóa truyền thống chung của Việt Nam và Đông Nam Á, do các cư dân vùng này đều là dân nông nghiệp, có tục bơi chải mùa xuân hay mùa thu để cầu mùa, cầu mưa nắng thuận hoà⁽⁶⁶⁾. Cùng với hoạt động tế lễ, múa hát Dậm, trò bơi chải trong hội Dậm làng Quyển rất náo nhiệt, vui nhộn, có sức lôi cuốn rất lớn với người dân sở tại. Thiếu trò bơi chải, hội Dậm

⁽⁶⁶⁾ Riêng hội bơi chải của dân tộc Khơ Me Nam bộ được tổ chức vào tháng tư âm lịch. Đây chính là tháng khởi đầu cho mùa mưa, mùa sạ lúa của nông dân đồng bằng sông Cửu Long. Điều này chứng tỏ hội đua ghe Ngo do dân tộc Khơ Me thực hành là hình thức cầu mùa, cầu mưa thuận gió hoà - yếu tố tối cần thiết của nghề nông trồng lúa nước. Mở rộng tầm quan sát, chúng ta sẽ thấy vào thời điểm đó, dân tộc Lào Lùm của nước Lào, dân tộc Thái của Thái Lan cũng thực hành hội tế nước với qui mô rất lớn, đồng vui nhằm cầu mong mưa thuận gió hoà. Thực tế ấy chứng tỏ các lễ hội vùng Đông Nam Á dù ít, dù nhiều đều có liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp.

làng Quyển sẽ tế nhạ đi rất nhiều. Không phải ngẫu nhiên mà dân ca và ca dao làng Quyển có câu:

"Quyển Sơn vui thú nhất đời

Dốc lòng trên Dạm dưới bơi ta về"

Ở mức độ nào đó, phải thừa nhận câu ca dao đã chỉ ra đúng một trong ba thành tố rất quan trọng cấu thành lễ hội Hát Dạm, đó là tế lễ, múa hát Dạm và bơi chải. Lễ hội Hát Dạm Quyển Sơn có sức sống bền lâu trước thời gian, một phần lớn là nhờ có sự kết hợp giữa ba thành tố trên.

5. Múa lân

Sau trò bơi chải, phải kể đến trò múa lân. Trò múa lân, xét về nhiều phương diện, cũng là trò nghi lễ - nghệ thuật - thể thao tương đối hấp dẫn, vui nhộn trong hội Dạm, lôi cuốn nhiều người dân tham dự. Gọi trò múa lân là trò nghi lễ - nghệ thuật - thể thao vì nó được trình diễn ngay trong đám rước kiệu - một nghi thức quan trọng mở đầu cho hội Dạm, sau đấy nó lại được trình diễn vào các buổi chiều ở đình Trung và Đền Trúc - khi không có tế lễ, cùng với nhiều trò vui khác như leo dây múa rối, đấu vật, đấu cờ người, tổ tôm điểm...

Về đạo cụ, người dân làng Quyển chế tác đầu lân bằng một thứ nguyên liệu rất gần gũi, quen thuộc với quê hương họ, đó là tre, trúc và giang. Trước khi hội Dạm mở khoảng mười ngày, một số trung niên của bốn giáp đã họp bàn, phân công đầu việc. Người thì chặt tre bánh tẻ, pha lấy cật đan đầu lân. Người thì dùng lạt giang buộc các mối nối, mối ghép. Người thì đi mua sấm giấy nhiều màu và giấy trang kim để dán lên đầu lân, cho giống và cho đẹp. Râu kỳ lân được làm bằng

các tua màu vàng. Còn thân kỳ lân được làm bằng mảnh vải màu đỏ thẫm, chiều dài khoảng hơn ba chục mét, chiều ngang rộng khoảng tám chục phân. Mọi việc phải xong vào cuối tháng giêng.

Nhân vật tham gia biểu diễn múa kỳ lân gồm một thanh niên nam mặc quần áo lụa đỏ, đầu đeo mặt nạ hình ông phỗng, chân quấn xà cạp, hai tay cầm chùy "đồng" cũng được làm bằng tre. Một hoặc hai đình tráng đội đầu lân, khoảng hơn chục đình tráng múa thân lân. Cầm nhịp là một dàn trống, mõ do một thủ hiệu chỉ huy. Khi múa, người đeo mặt nạ, tay cầm chùy đồng vờn trước đầu lân. Và đầu lân cũng vờn với người này. Suốt chặng đường rước kiệu dài khoảng trên hai ngàn mét, từ Đền Trúc, và chùa Giỏ tới đình Trung, đoàn múa lân biểu diễn khi nhanh khi chậm, là căn cứ vào nhịp trống mõ, tạo ra âm hưởng nhanh chậm khác nhau, hình thành không khí sôi động cần thiết cho hội lễ. Thiếu trò múa lân, hội Dậm cố nhiên cũng tẻ nhạt, không có được cái điệu mà thành ngữ dân gian gọi là "vui như hội".

Trước năm 1950, hội Dậm làng Quyển chỉ có trò múa lân diễn ra đan xen với trò bơi chải, đấu vật, leo dây múa rối, tổ tôm điểm, không hề có múa long (múa rồng). Khoảng chục năm trở lại đây, dân làng Quyển, khi tổ chức lễ hội, đã mời thêm đoàn múa long của một làng quê thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây, xuống góp vui, tạo ra trò múa cặp đôi long - li giao đấu, rất vui và ngoạn mục. Một số quan khách thập phương đến xem hội Dậm, lại tưởng đây là truyền thống xưa cũ của làng Quyển, hết lời ca ngợi. Thậm chí có người còn giàu trí tưởng tượng đến mức cho đó là

múa "Nhị linh" (Long - Li) - một hình thức phân đôi của múa "Tứ linh" (Long - Li - Quy - Phụng). Và cũng không ít người nhầm lẫn, gọi múa lân là múa sư tử.

Theo quan sát và suy ngẫm của chúng tôi, múa lân là trò biểu diễn rất vui nhộn của hội Dậm, song đó không phải là múa sư tử như có người hiểu. Đúng là về hình thức, đầu lân tương đối giống đầu sư tử. Nhưng sư tử là con vật có thực ở châu Phi, không có ở châu Á và Đông Nam Á. Trong bậc thang giá trị văn hóa của người Việt, cũng như của người phương Đông, không hề có con sư tử, mà chỉ có con hổ, được hiểu là "chúa sơn lâm". Hơn thế, con hổ còn được hiểu là vật là linh, nằm trong "Ngũ hổ", chuyên trị ma tà, quỷ quái. Con sư tử không hề đi vào ca dao, tục ngữ, dân ca, truyện dân gian của người Việt. Vì lẽ đó, chúng tôi cho rằng, kỳ lân - cũng như con Li, là biểu tượng hoàn toàn do tư duy sáng tạo của người nông dân tạo ra, không phải là con vật có thực trong đời sống. Người Việt tưởng tượng ra con kỳ lân để cầu may, cầu phúc, cầu lộc, tựa như họ đã tưởng tượng ra con rồng (long) vậy. Nếu phân tích, chúng ta sẽ thấy, con long cũng không hề có trong thực tế, mà được hư cấu từ nguyên mẫu con rắn và con cá sấu - đều là những con vật ở môi trường nước, có nguồn gốc phương Nam ⁽⁶⁷⁾. Hiểu như thế, chúng ta dễ dàng rút ra nhận

⁽⁶⁷⁾ Con rồng thời Lý còn mang hình mẫu con rắn rất rõ. Dáng vẻ rồng thời Lý hiền lành, chưa mang hình kỳ đà dữ tợn như rồng thời Lê sơ và thời Nguyễn sau này. Theo tác giả Trần Ngọc Thêm (sách đã dẫn), con rồng có nguồn gốc phương Nam, sau mới du nhập vào Trung Quốc, được Hán hoá, tượng trưng cho uy quyền của Hoàng đế - Thiên tử. Rồi cuối cùng, con rồng lại du nhập vào văn hóa Việt Nam do giao lưu, tiếp biến văn hóa.

xét rằng, múa lân trong hội Dậm là hình thức câu may, câu phúc, câu lộc của người nông dân dưới dạng trò diễn nghi lễ - nghệ thuật - thể thao, vừa thiêng liêng vừa vui nhộn.

6. Đấu cờ người

Trong lễ hội Hát Dậm làng Quyển, có một trò chơi, trò thi đấu rất sôi động, hào hứng, lôi cuốn nhiều người tham dự, ấy là trò đấu cờ người, còn gọi là đấu cờ tướng. Trò này thường diễn ra vào các buổi sáng hoặc buổi chiều, khi không có diễn xướng tế lễ, tại sân đình Trung (từ mồng một đến mồng sáu tháng hai), và tại sân Đền Trúc (từ mồng bảy đến mồng mười tháng hai), gần như song hành với các trò chơi - thi đấu khác.

Tương tự như trò múa lân, trò đấu cờ người có khá đông người tham gia, song thành phần tham gia chủ yếu là các quan viên, bao gồm các bô lão, trung niên, hơn hai chục cô gái, chàng trai son trẻ. Vì là trò thi đấu trong lễ hội, cho nên tham dự thi đấu cờ người không chỉ có dân sở tại mà còn có cả một số người cao cờ của các làng xung quanh cùng tham gia. Lệ làng không phân biệt người làng hay người thiên hạ, cứ ai thắng cuộc là được hoan nghênh, tôn vinh.

Khoảng 5 ngày trước khi làng vào hội, các quan viên cho dựng bàn cờ ở ngay sân đình, hoặc sân Đền Trúc. Toàn bộ bàn cờ hình chữ nhật, chiều dài 9 mét, chiều rộng 8 mét, được chia đều thành 72 ô vuông, mỗi bên có 32 ô vuông, bố trí đối xứng nhau qua 8 ô chạy ngang thành đường sông (biên giới). Mỗi ô có 4 lỗ ở 4 góc,

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT ĐẠM QUYỂN SƠN

dưới chôn một ống nứa hay ống tre cái dùng để cắm quân cờ, tổng cộng tới 288 lỗ. Các đường ngang, dọc tạo ra 72 ô đều được kẻ bằng vôi trắng. Cũng có khi người ta tạo các đường ngang, dọc ấy bằng thanh tre chẻ dài, nối nhau liên tục.

Về lễ lối và quy cách thi đấu⁽⁶⁸⁾, quân cờ có tất cả 32, trong đó 16 quân đỏ (Dương) và 16 quân đen hay trắng (Âm), chia làm hai bên. Mỗi bên có một tướng, hai sĩ, hai tượng, hai pháo, hai mã, hai xe, năm tốt. Để có quân cờ, người ta dùng mảnh gỗ mỏng, hình vuông hay tròn, một mặt viết tên bằng chữ Hán, xung quanh có chạm khắc hoa văn. Một mặt gắn với cán gỗ hình tròn, trông như một cái biển, cao khoảng 1 mét, có thể cắm vào các lỗ tròn ở bàn cờ. Do quân đôi bên được chia làm hai phía đối địch với nhau, cho nên quân bên đỏ thường do 16 nam thanh niên điều khiển, quân bên trắng (hay đen) do 16 các nữ thanh niên điều khiển, hình thành cặp đối xứng Âm Dương. Quân đỏ có tướng ông mặc giáp trụ đỏ, chân đi hia, mũ đỏ, trông oai phong. Quân trắng (hay đen) có tướng bà mặc giáp trụ màu trắng, chít khăn trắng, chân đi hài trắng. Đóng vai các quân còn lại như sĩ, tượng, mã, xe, pháo, tốt cũng đều do các nam hay nữ thanh niên đảm nhiệm, với trang phục khác nhau. Ví dụ, quân đỏ mặc quần áo đỏ, thắt lưng đỏ, chân quấn xà cạp đỏ. Quân trắng

⁽⁶⁸⁾ Về lễ lối và quy cách thi đấu cờ người, nhìn chung các địa phương không khác nhau nhiều lắm. Chỉ có trang phục quân cờ và phần thưởng là khác nhau. Bởi vậy chúng tôi sẽ không khảo tả kỹ cách thi đấu mà chú ý nêu ý nghĩa của nó trong lễ hội.

hay đen, mặc quần trắng (hoặc xanh) mặc váy lụa đen, chân đi giầy bán hạ (cũng có khi đi hài đen).

Tham gia đấu cờ có hai người, mỗi người chỉ huy quân một bên. Một quan viên làm trọng tài. Cả hai người đấu cờ đều mặc áo lụa đỏ hay trắng, quần ống số, chân đi giầy bán hạ hay giầy Gia Định, đầu đội khăn xếp nhiều, tay cầm một cái cờ đuôi nheo, để chỉ huy quân. Ngoài ba người trên (trọng tài, hai người đấu cờ), còn có hai người trung tuổi, mặc áo lụa xanh, quần ống số, đầu chít khăn xếp, tay cầm trống bỏi và thanh la. Nhiệm vụ của họ là nếu thấy bên nào điều hành nước cờ chậm, thì nổi trống và thanh la âm ỉ lên để thúc giục. Người đấu cờ không nhanh trí và bình tĩnh, thì rất rối loạn tinh thần, dễ bị thua cuộc.

Quy ước đấu cờ người của làng Quyển rất rõ: mỗi cặp phải đấu ba ván. Nếu một bên thua cả hai ván đầu thì quyết định ngay thắng bại, không phải đấu ván thứ ba nữa. Nếu hai ván đầu, mỗi bên thắng một ván, thì phải quyết định thắng thua bằng ván thứ ba. Ván thứ ba mà hai bên hoà thì phải đánh tiếp ván thứ tư để định rõ thắng bại. Ai thắng ở cặp đấu thứ nhất sẽ giành quyền vào đấu bán kết. Những người thắng ở vòng bán kết sẽ vào chung kết.

Người thắng ván chung kết sẽ được thưởng 5 quan tiền, một tấm nhiễu hồng. Người đạt giải nhì sẽ được thưởng 3 quan tiền và một tấm lụa xanh. Trước lúc đấu cờ, cũng như khi kết thúc cuộc đấu, tất cả các kỳ thủ đều phải vào làm lễ Thành hoàng. Trọng tài thay mặt làng ban rượu lộc của Thành hoàng cho từng người. Họ nhận

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

rượu, uống, lễ tạ và đi giật lùi ra ngoài, trong tiếng xuýt xoa, khen ngợi, thán phục của dân làng.

Trong cuốn *Việt Nam phong tục*, Phan Kế Bính cho biết, ở các làng quê đồng bằng Bắc bộ thời xưa, khi đấu cờ, người được thì được tặng giải thưởng, còn người thua thì bị thổi kèn trống, đánh thanh la rước ra, làm cho sỉ nhục, tựa như đưa ma người chết vậy. Quan sát lễ hội Hát Dậm Quyển Sơn, chúng tôi không thấy có tục lệ đó. Đã đi thi đấu - dù là đấu cờ người, ai chả mong có giải. Song cái chính yếu đối với các kỳ thủ là được cống hiến cho thần linh, cho cộng đồng, chứ giải thưởng không phải là mục tiêu phấn đấu duy nhất mà họ theo đuổi.

Với các trai, gái trong làng, anh chị nào được chọn vào hàng ngũ quân cờ là niềm vinh dự lớn cho gia đình, dòng họ. Vì phải là những trai gái cao ráo, mặt mũi dễ coi, mới được chọn làm quân cờ. Chỉ nguyên điều ấy đã gọi trong tinh thần họ niềm vui, niềm tự hào chính đáng rồi!

Về ý nghĩa của việc đấu cờ người: luật thi đấu cờ người rất khắt khe, chặt chẽ. Người thi đấu cờ người chỉ đi sai một nước là dễ rơi vào thất bại. Do vậy, đấu cờ người đòi hỏi phải có trí óc tinh táo, tính toán chi li, phản ứng nhanh nhạy, linh hoạt. Thiếu phẩm chất ấy, người ta không thể trở thành kỳ thủ trong bất cứ cuộc thi đấu nào.

Cờ người có 16 quân (gồm tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã, tốt), mỗi quân đều có vai trò, chức năng riêng. Kỳ thủ phải tận dụng và phát huy hết vai trò, chức năng, tác dụng của từng quân cờ, trong thế trận chung. Thực tế đấu cờ người cho thấy, có người "hay" về pháo, có người "hay" về mã, có người "giỏi" nước pháo đầu, lại có